

Ân Văn Thạc

Tể Tướng Lưu Gù



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Ân Văn Thạc

Tể Tướng Lưu Gù

Dịch giả: Ngô Văn Phú & Lê Bầu

Lời Dẫn Truyện

**Đề đức càn khôn đại
Hoàng ân vũ lộ thâm (1)
(Đức lớn trùm trời đất
Ơn vua mưa móc đầy)**



Đó là đôi câu đối thường gặp ở thời nhà Thanh, mỗi khi xuân về, bất kể từ người làm quan hay dân thường, đều lấy giấy điều viết lên dán ở cửa ngoài. Không kể đến câu chữ của vế đối hay dở thế nào, mà chính là để nói về sự hưng thịnh của các vương triều nhà Thanh, ơn vua rõ ràng đã không sao tả xiết.

Vương triều nhà Thanh thời ấy quả là hưng thịnh, ơn vua sâu dày đến vậy sao? Đúng là thời kỳ đầu, quả có hưng thịnh thật, dân chúng đã có câu "Khang, Ung,

Càn, thịnh thế". Khang ở đây tức là thời Khang Hy, Ung là triều đình Ung

Chính, còn Càn chính là thời vua Càn

Long. Chỉ nói riêng thời Càn Long, nhà vua ở ngôi sáu mươi năm, trước sau sáu lần xuống Giang Nam, ở phía bắc thì xây dựng hành cung Thừa Đức, phía tây thì đi tuần ở Ngũ Đài Sơn, mấy lần cất quân bình định ở biên ải phía tây nam tây bắc, nhiều lần trị bệ phái gian thần, lại sai xét xử nhiều vụ án khá rắc rối. Một đời làm vua khuấy động nhiều việc, gây được nhiều người làm theo nhưng cũng là ông vua đầy ham muốn, tin yêu gian thần khiến cho giang sơn gấm vóc có nơi cũng phải xâm tói, hồng nát.

Không nói đến các vị lương tài thao lược, không nói đến các bậc tài giỏi, hoặc ẩn sĩ, cũng không nói đến chuyện đám son phấn ở sáu cung, chỉ nói đến Hòa Thân, một người quyền trùm cả triều đình, ba chục năm khuynh loát và với con người thông minh tuyệt thế, tài suốt cổ, kim là Lưu Dung, cũng vô khối chuyện không sao kể hết.

Hai người này làm quan cùng triều trong 10 năm. Thời gian này chưa rõ ràng, ân oán khó kể lại, nhưng tài trí thắng hèn bậy, trung nghĩa thắng mù quáng vâng theo, cười ra cười, mắng ra mắng, gắng gỏi thắng ăn sẵn, a dua xảo trá, đủ các kiểu chuyện. Có lúc là chuyên vui cho muôn thuở, có lúc thì rỉ rả bình luận.

Lại nói mùa xuân niên hiệu Càn Long thứ mười sáu, khắp nơi trong nước về đi thi, tụ tập đông đúc ở Bắc Kinh, dự cuộc thi ba năm một lần, lần này thật tấp nập, ai cũng mong đỗ, mà triều đình thì mở cửa mong thu nhận được nhiều người tài đức trong thiên hạ.

Sau khi đã có tên đề bảng thì vào thi trước thêm vua, được đức vua thân ra đầu bài, từ đó chia thành tam giáp tiến sĩ Ba ngôi đệ nhất giáp tiến sĩ, đứng đầu là Trạng Nguyên, người đỗ thứ hai là bảng nhãn, người đỗ thứ ba là thám hoa.

Ba người đỗ đệ nhị giáp gọi là tiến sĩ xuất thân, còn ba người đỗ tam giáp

tiến sĩ gọi là đồng tiến sĩ xuất thân. Đoạt được từ tam giáp trở lên là những người được vinh qui, coi là "cá vượt vũ môn", chờ ngày bổ quan.

Đầu xuân năm ấy, cái lạnh mùa đông còn chưa lui, mà kinh thành đã rộn hơi xuân. Các sĩ tử nô nức vào kinh đô, các hàng quán nhà trọ, đều bị đám người đi thi ở chật. Càng gần đến ngày thi, phố xá treo đèn kết hoa không khí hân hoan, náo nhiệt, quên cả lạnh giá. Mấy năm gần đây, mùa màng mưa thuận gió hòa, trăm họ an cư lạc nghiệp, vua hết lòng chăm lo việc nước, các địa phương quan lại cần mẫn thanh liêm, văn trị vũ công so với các triều trước không thua kém, thi nhân đua nhau xướng họa; cầm, kỳ, thư, họa các mặt đều giỏi giang, người người thoải mái, phong độ hiên ngang.

Vị vua lúc này cũng là một loại văn nhân, cậy tài coi thường mọi thứ, thường cùng với các bầy tôi trước mặt và các bậc học sĩ trong nội các, cũng là một bậc tài tình, liệu có ai dám trước mặt vua khua môi múa mép, tranh tài thi thố?

Cho nên, vua Càn Long thuở ấy, đi đến đâu đều dồi dào thi hứng, vẩy bút thành thơ. Dựa vào sử liệu đã in, Vua Càn Long sinh thời làm hàng vạn bài thơ, nhưng cũng bất hạnh thay dấu lưu truyền đời sau, một vài bài cũng không nổi, nhưng cũng có thể gọi là một ông vua tài hoa.

Đó là bàn chơi, theo sách đã truyền.

Đương lúc nhà nước đang nhiều điềm tốt, nhờ ân đức từ vua Thái Tôn, đến triều này càng thịnh trị, năm nay mở khoa thi kén người tài. Phàm những người tài giỏi, đức độ, văn hay đều được kêu gọi, hoặc do những người có danh vọng, hoặc do quan châu, quan phủ đề cử, đều vào kinh đô ứng thi. Chiều thư ban xuống, cả nước hân hoan chào đón, những người anh tuấn khắp nơi nô nức sắm sửa lều chõng, quyết chí đua tài, sao cho đầu xuân này phải có mặt ở kinh đô, các nơi trên đường chỗ nào cũng gặp người đi thi. Đến kinh thành lại tìm chỗ kết giao, các bầu đoàn kéo nhau tới, thầy kèm

theo tứ, người hầu đi theo nhà sang, lũ lụt vào kinh thành. Giữa kinh thành nhận nhau “cùng tuổi” “cùng khoa”, “cùng học”, “cùng làng”, tốp này tốp nọ, thật náo nhiệt. Một lần tới kinh đô “làm cho đất trời rung chuyển”.

Lúc ấy ở Kinh kỳ, đâu nhiều lần đã chứng kiến cảnh thi cử, nhưng rầm rộ như lần này thì quả là chưa từng có. Riêng các dinh phủ, hội sở, cửa hàng mở thêm hàng ba nghìn gian, dân chúng các nơi chủ động treo biển đón khách, chiêu đãi những người vào kinh ứng thi.

Quang cảnh trường thi náo nhiệt, các hàng quán chung quanh, hết người ra lại người vào, đường phố ùn tắc, thuyền nọ, xe kia... cười cười nói nói, đầy đường chỗ nào cũng xưng hô “niên huynh” “thế huynh”, “hiền đệ”...

Khỏi nói đến nơi trường thi, chỉ nói những phố quanh đấy, lúc nào cũng đông như hội; nào chọn bút, nào mua giấy, chen vai, thích cánh, rồi nơi quán ăn, quán điểm tâm, ồn ào người nói người, chuyện dài chuyện ngắn, đủ vẻ.

Người đời thường nói “Cá gáy vượt vũ môn” (l), tập nập không đâu bằng trường thi. “Trường thi tiến sĩ”, (Cổng Viện) hai chữ vàng được treo trên cổng lớn. Vào cổng ngoài, cách đấy khoảng một trăm hai mươi ba trượng là đến tầng cổng thứ hai. Cổng thứ hai là một thứ cổng nghi lễ, ngang phía trên cổng, ở trên cao có hai chữ lớn chính tay đức vua viết: “Long Môn” (Cửa Rồng) bằng vàng.

Lệ thường đến dự kỳ thi hội, khi vào đều phải qua cửa Long môn ngư quán rồi mới được vào chính trường thi. Mỗi người vào đó chẳng khác gì chú cá vẫy vùng trong dòng nước, phải qua cửa “Long Môn” để dự cuộc nhảy vượt sóng, tỷ như cá chép vượt cửa rồng vậy. Cái đám cá mong hóa rồng này, cùng một lứa đua tài, thì trong đám phồn hoa nào bì cho kịp... Do đó mà họ thường tìm thầy xem bói, bói đền chùa, bói dịch toán, thường được bói về vận số trong thi cử. Được hỏi han về ngày sinh tháng đẻ, rủi may trong những ngày tới, các vị bói toán nhân đó mà bán giấy bán bút mực, bùa chú

hương nhang đến những nơi cần lễ bái. Các đoàn người đi thi lòi thoi, lóc nhốc, áo nhàu rách, bụi đường trường bám đầy, không cả kịp sửa sang, mà một sớm tên đề trên bảng, được vào "điện thí", được dự lễ "Tạ ơn", rồi được ban áo mũ cân đai, thì quả gây nên náo nhiệt cả một vùng, ai nấy đều biết. Chỗ đất này rất thuận lợi nên ai cũng cố chen chân...

Lại nói kỳ thi lớn năm ấy, có một người nhập vào dòng người đông đúc ấy, dẫu chưa đỗ đạt nhưng cả vùng đều biết tiếng, đạo đức văn chương đều trội, được các quan địa phương cử lên thi hội.

Không dè đường đi vất vả, thân hình lại yếu, đến kinh đô thì ốm, ngoài việc ở quán trọ lại phải lo cắt thuốc, những bộ áo mới ở nhà mang theo đều phải đem cầm bán.

Người này tuy kinh luân tài trí đầy mình, song nhiều năm khổ học, đến nỗi lưng gù, vốn dĩ sinh thành không đủ đầy, cũng chẳng có ai chỉ dẫn cho, vào kinh, thân thích lại chẳng có! Thấy kỳ thi hội sắp đến, mà bệnh tình lại không giảm, dù chẳng có gì trở ngại, nhưng thân thể hao gầy, trông thật thiếu nả.

Hôm đó, ngày thi hội đã tới. Giờ Thìn, cửa trường mở toang, sĩ tử nô nức ủa nhau vào. Anh ta phải gắng gượng mang thân ốm, bước từng bước đến trường thi. Do bị ốm, cái áo bông cũ màu đen anh đang mặc, do thân thể bị gầy, lại lăn lóc nhiều, nên chỗ rách bung ra khá to. Bất đắc dĩ anh phải lấy chỉ khâu lại, lấy chiếc áo choàng trùm lên, đầu đội một chiếc mũ the mỏng, trên vai đeo một giải lụa điều của người được chọn đi thi.

Cũng nói qua một câu, đương thời, phàm những người nào chưa đỗ được địa phương tiến cử vào kinh đô thi hội, để phân biệt với người đã đỗ ở kỳ thi hương, thì khi vào trường đeo trên vai một giải lụa đỏ, có giải lụa ấy gọi là “đã được chọn”.

Do bị ốm, nên cử chỉ chậm chạp, đến được cửa trường thi thì giờ Thìn đã

qua, mà quá giờ này, cửa trường thi khép lại. Nếu bị lỡ một kỳ thi, lại phải đợi ba năm nữa. Anh ta cố tìm cơ may, lau mồ hôi trán, thở dài một tiếng, cất bước trước thềm cổng, tìm cách lọt vào.

Mất thì thấy giờ thìn đã trôi qua, đám người đi thi ồn ào đã vào cả trường thi, nhìn quanh không thấy ai tới, cửa không có một người qua lại, anh ta ngóng mãi vẫn chẳng thấy ai, liền kéo chuông gọi. Người coi cửa chính là nội cung thị vệ, hôm ấy được nhà vua sai đến canh phòng thi, trên dưới hai mươi tuổi, người không cao, nhưng mày thanh, mắt đẹp, răng trắng môi đỏ, tổ tiên trước ở kinh đô, cũng là dòng người Mãn, nguyên tổ tiên về ở Giang Nam đã lâu, anh ta lớn lên ở đó, du học, vào trường, bị núi thiêng sông đẹp đất Giang Nam quyến rũ, miệng dẫu nói tiếng Kinh Kỳ nhưng giọng Mãn thì vẫn còn chưa hết.

Hai người, một ở bên trong, một bên ngoài cửa, cả hai không hẹn mà gặp, đều đứng sững nhìn nhau. Người thị vệ đảo mắt nhìn một lượt thấy một anh vai đeo vải lụa “đã được chọn” biết là người đến dự thi hội. Chẳng biết nghĩ ngợi một hồi ra sao, bỗng khịt mũi, cười rồi thuận miệng đọc:

Nhĩ xuyên đông y, đái hạ mảo, hồ đồ xuân thu , (Người mặc áo mùa đông, đội mũ mùa hè, xuân thu (l) nào biết)?

Người đứng ngoài cửa nghe được, trong lòng dẫu đang chẳng vui gì, bụng nghĩ, ta và người không quen biết, xa không thù, gần không oán, sao lại buông lời chẳng lấy gì làm lịch sự. Ví như ta dẫu là người chẳng có danh tiếng gì, cũng là người được các quan địa phương đề cử. Tuy chẳng thông kim bác cổ, có lẽ nào lại chẳng biết “xuân thu”. Người đánh giá người thấp quá đấy!

Tuy trong bụng tức thế, nhưng thấy anh ta vẫn chưa lộ mặt, chỉ nghe tiếng nói đúng là người Giang Nam, người đã khinh người, thì ta cũng chẳng cần phải trọng người, liền quay đầu hướng về người thị vệ, đọc luôn:

Nhĩ cư nam phương đảo bắc địa, hỗn trưởng đông tây . (l) (anh ở miền Nam lên đất Bắc, vung vẩy cái gì) nói đoạn nhanh chân bước vào trường thi.

Hai vị đó là ai, bạn đọc có biết không? Nói ra thì các bạn không tin, người mặc áo mùa đông, đội mũ mùa hè, ung dung đỉnh đạc đó là người ở Chư Thành, Sơn Đông, họ Lưu tên là Dung, tên chữ là Sùng Chính, tên hiệu là Thạch Am, còn người thị vệ là kẻ sau này uy quyền lướt cả triều đình chính là đại gian thần Hòa Thân, tên chữ là Chí Trai, họ Nữ-cô-lộc người dân tộc Mãn nơi đất Chính Hồng Kỳ.

Kỳ thi ấy, Lưu Dung đúng là "cá gáy vượt cửa Rồng" bị Vua Càn Long chỉ cho đỗ Đệ nhị giáp đệ nhị danh, còn Hòa Thân, kỳ thi đó xong cũng được vào hầu yếu ở vườn Thượng Uyển. Cũng từ chuyện vào thi, hai người đã "một chữ", "một mắng", sau này làm quan cùng triều tranh đấu sứt đầu, mẻ trán, thần kinh quỵ khóc vạ.

Chú thích:

(1) Đức của hoàng đế trùm cả trời đất.

Ơn của vua mưa móc đầy

(2) Cá gáy nhảy ba bậc ở cửa sóng (Vũ môn) thì hóa rồng, ngày xưa thường lấy việc này để ví với thi cử

(3) Xuân thu vừa có nghĩa là mùa xuân, mùa thu, còn có nghĩa là sử sách.

Hòa Thân chơi chữ, cho rằng Lưu Dung không thuộc điều lệ trong sử sách lưu tuyền (ND).

(4) Đông tây còn nghĩa là cái gì?

Tể Tướng Lưu Gù

Dịch giả: Ngô Văn Phú & Lê Bầu

HỒI THỨ NHẤT

Vườn thượng uyển theo vua dạo chơi

Hồ Thái Dịch, tiến sĩ hùng biện



Truyện thuyết về Lưu Dung và Hòa Thân, mỗi người một kiểu, tuy chưa đến nỗi thâm thù, nhưng người này đối với người kia chẳng thú vị gì. Chẳng hề chơi với nhau, nhưng lại có mối ràng buộc, để sau này, mười năm cùng làm quan trong triều, người này đấu lại người kia; lúc giữa ban ngày, lúc trong âm thầm lặng lẽ; một đảng giữ thần, giúp dân, yêu đất nước, một đảng lòng tham, tay nhuôm bẩn, thâm hiểm đầy, cũng là do mỗi người một vẻ mà ra, càng ngày càng rõ.

Kỳ thi tiến sĩ vừa rồi, bởi Lưu Dung, tên có chữ Dung là bức thành đất(1) nên Đức Vua đánh xuống đứng thứ hai đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân. Vua Càn Long mở khoa thi xong, triều chính vô sự, nhân lúc xuân về hoa nở, đãi yến các ông nghè mới đỗ, liền hạ chỉ đến mùng 10 tháng 4, mở tiệc đãi các tiến sĩ tân khoa ở vườn Thượng Uyển

Đúng mùng 10 tháng tư, khi lui chầu, Càn Long đến vườn Thượng Uyển. Trong vườn, bá quan văn võ, các tiến sĩ tân khoa đang chầu chực, thấy Vua đến, đều nhất tề quỳ xuống, ba lần hô Vạn tuế. Vua bước ra khỏi hiệu rồng, nhìn một lượt, chỉ thấy trước kiệu một đám đen ngòm những người là người, liền nghĩ lại rằng: Ta mới hé ra nửa lời, mà họ đã kéo đến đông thế. Ta chỉ muốn ban ân sủng đến đám tiến sĩ mới thôi, đám kia té nước theo mưa, chẳng qua một lũ ăn theo, uống theo thôi! Cái đám này có đến già một nửa! Nhưng chiếu vua đã ra, thu lại làm sao được, liền truyền rằng: Các tân khoa tiến sĩ hãy theo Trẫm đến vườn hoa, các người khác hãy dừng ở sân vườn nghỉ ngơi. Mọi người tạ ân, mấy vị tiến sĩ mới theo vua tiến vào trong vườn.

Thực ra nhà vua là người rất thích chỗ ồn ào, náo nhiệt, sao hôm nay lại không thích tụ tập đông người? Vốn là người rất thích thơ phú, từ khúc, văn chương, muốn trong đám bề tôi mới toanh kia, hiện rõ tài hoa. Bữa nay lại là buổi đầu tiên gặp mặt các tân tiến sĩ, trước hết muốn lấy ân sủng để rõ tài đức, thứ hai là xem cái đức học của đám quan nghè trẻ này so với các bậc cự thần, trời vực là bao? Với lại cái đám bề tôi cũ kla, vốn đã quen ăn chơi, cho dự chung làm gì, lúc nào cũng lăm le, cơ hội là bám theo vua, họ mà ủa theo đông như kiến, ban thường làm sao cho xuê, họ nào có chú ý đến chuyện đã già yếu, có học hoặc không có học, có tài hoặc không có tài! Nghe vua bảo dừng lại, họ đâu đã hết hào hứng, nhưng không dám đi theo, chỉ đưa mắt tìm xem chỗ nào có thể ngồi nghỉ.

Lại nói mấy vị tân khoa tiến sĩ, nghe nói đức vua muốn ban yến, mấy bữa nay vui mừng, ngủ không được, ăn không biết ngon. Bụng nghĩ: Hoàng thượng ban yến, hẳn là rôm rả, còn bây giờ trọ ở quán tồi, ăn cơm xoàng mãi, bao giờ mới thôi đây? Lăn lăn lửa lửa, lúc nào cũng nhắc đến ngày mùng 10 tháng 4! Bữa nay, trong vườn hoa, lại nghe đức vua chỉ cho đám tiến sĩ mới theo hầu, cao hứng thầm nghĩ: Đúng là, ơn trời vằng vặc, ân sủng càng thêm" vậy.

Mấy ông nghè này đều lần đầu mới đến kinh đô, đã bao giờ thấy vườn vua đâu. Bữa nay được thăm, quả là, hoa thơm cỏ lạ khắp nơi, đình, gác, lầu, đài tranh sáng, nước hồ xanh trong, bờ liễu phơ phất; chim quý đua hót hay, cung nữ người nào cũng đẹp, khiến mấy ông tân khoa cứ ngây người, trở mắt. Thấy họ như thế nhà vua bất giác mỉm cười, chưa thử tài vội, để họ dạo chơi. Thật là:

"Mấy chú trước nào biết vườn vua, nay hiện lù lù trước mắt!

Nhà vua vừa đi, vừa cười nói, còn đám tiến sĩ tân khoa nín như gà ăn thóc. Nghe vua nói cười, họ rất hân hoan. Vua chợt nhìn thấy Lưu Dung, lưng gù, đầu nhỏ,

liền nhân lấy Dung để đùa vui, liền hỏi: "Khanh..., vị quan này là....?" Lưu Dung xưa nay, diện mạo chẳng được như ai, nên không dám đi trước, giờ thấy nhà vua hỏi đến, liền vội chạy lên trước thưa: Tâu hoàng thượng, thần là Tân khoa nhị giáp tiến sĩ Lưu Dung!

Càn Long nghe, vui vẻ nói: Khanh là Lưu Dung?

"Chính là vị thần đây ạ!" - Lưu Dung vội trả lời.

- Hầy! Triều đình ta mở khoa thi lấy người giỏi, hướng về chọn nhân tài, thế mà lại chọn được một vị "tầm thường, vụng về" (2) liệu có là người vẩy bút, chữ đẹp như cắt hiện ra không?

Mọi người nghe đều cười ầm lên. Lưu Dung lòng dạ nhói đau, chẳng vui gì, nhưng đâu dám bộc lộ, miệng chỉ tâu: "Đó là ân điển của Hoàng thượng!".

Vua nhân đó liền bảo: - Lư Dung, thế thì hãy nhân đó làm đầu đề, vịnh một bài thơ xem nào!

- Thần đầu dám

- Đừng nói đầu dám!

- Thần lĩnh chỉ!

Mọi người đều phụ họa: "Anh hãy làm đi, bắt tất quá khiêm tốn!".

Lư Dung vốn đang chẳng cao hứng gì, lại nghe vua bảo làm thơ, biết rằng vua lấy mình ra đùa thôi. Lại nghĩ: mình nào muốn khoe khoang, chẳng qua là họ hòa nhau trêu mình, thế thì không thể không làm. Liền cất tiếng ngâm:

*Lưng gù công Trời, Đất,
Bụng chứa đầy kinh luân,
Mắt nhìn rõ trung, ninh,
Một bước đến thêm rộng.
Hết lòng vì Xã Tắc.
Nguyện đền đáp ơn vua,
Xấu xí mà tài lớn,
Hiền đức vốn dư thừa!*

Nghe Lư Dung ngâm xong, các ông nghề thấy đều kinh ngạc, cúi đầu đưa mắt nhìn vua. Nhà vua nghe rồi lòng rất ưng, lại nghĩ: "Ta chưa nói người là lưng gù, người đã tự nói ra rồi. Lại cho ta là nhìn mặt lấy tài. Thế thì ta gọi người là "Thằng gù", xem người ăn nói ra sao?" Nghĩ thế, vua cười, liền bảo:

- Thơ hay đấy! Nhưng Lưng Gù thì giảng như thế nào?

Lư Dung đáp lại:

- Tâu "Lưng gù" là gù lưng ạ!

Càn Long lại hỏi:

- Thế gù lưng giảng ra sao?

- Xin Đức vua tha tội, thần không biết ạ!

Càn Long nghe đoạn, cười lớn bảo: "Ái khanh, đó chính là Chàng Gù.

Chẳng lẽ khanh không xứng đáng với mấy chữ ấy ư?", nói rồi, vua cứ liên hồi bảo. "Lư lưng gù? Lư lưng gù !"

Mọi người nghe thấy đều cười vang.

Lư Dung nghe hết, liền tiến lên một bước, khấu đầu ba cái, miệng thưa luôn: Tạ ơn Đức Vua, kẻ bầy tôi nhỏ mọn này quả là đáng với ba chữ ấy!

Đám người theo dõi cử chỉ của Lư Dung hết sức ngạc nhiên. Càn Long thấy thế nói luôn:

- Khanh tạ ơn gì vậy?

- Lư Dung này tạ ơn được phong là Chàng Gù!

Vua nói:

- Phong là Chàng Gù thì được cái việc gì?

- Được chứ ạ. Mỗi năm thần sẽ được hưởng lộc đến hơn vài vạn lạng bạc. Chuyện gì thế này? Số là đời nhà Thanh đã định rõ, khi Đức vua, tuyên phong bằng miệng cho ai thì cứ mỗi chữ, mỗi năm được hưởng lộc một vạn lạng bạc. Vì thế mà Lưu Dung vội lên tạ ơn ngay. Khoảng niên hiệu Quang Tự, Tây Thái hậu sau này là người hưởng lộc cao nhất hàng năm, nghe nói riêng tiền son phấn của Tây Thái hậu đã tới mười sáu vạn lạng. Số tiền ấy, muốn rút cũng không nổi. Đó là vì nhà Thanh đã qui thành chế độ. Thái hậu đã được tuyên phong đến mười sáu chữ, đó là. "Từ Hi. Đoàn Hứa. Khang Hi. Chiêu Dự. Trang Thành. Thọ Cung. Khâm Hiến. Sùng Hi". Mỗi chữ là một vạn lạng, mười sáu chữ là mười sáu vạn lạng.

Lưu Dung đã hai chữ "Chàng Gù" hẳn là mỗi năm phải được hai vạn lạng. Nhà vua thấy sự thể như thế, liền nghĩ. "Ta có tiền thì cũng đâu thương cho như thế!"

Liền cùng với Lưu tranh luận: "Lưu Dung, ta phong cho ngươi là chàng Gù, là chuyện khác, là nói đùa thôi!".

Lưu Dung nói:

- Muôn tâu, Vua đâu có nói giỡn, Bệ hạ bảo câu này không tính nếu câu này không được tính, thì những lời sau của Đức vua ai còn tin !

Vua nói:

- Tính!

Hoàng thượng đã nói "không tính trước rồi, sao làm ngược được!" "Tính" là tính đấy! Đến nhà vua mỗi năm bổng lộc cũng chỉ được vài vạn lạng, thế là từ đó bụng dạ vua không yên. Vua nghĩ, ta tưởng đùa gã, nào ngờ gã lại tính luôn thành tiền. Gã này cũng láu thật. Quả là không nên nhìn người qua vẻ bề ngoài!

Đám người đi lên, rồi dùng từ một tòa nhà nhỏ nhìn thấy hồ Thái Dịch nước trong xanh, nhà vua quay lại nhìn Lưu Dung, nghĩ đến chuyện hai vạn lạng bạc, bụng nghĩ thế nào ta cũng tìm mọi cách xóa cái chuyện phong hai chữ Chàng Gù mới được. Giả dụ, mỗi năm hai vạn, mười năm hai mươi vạn, hẳn sống đến một trăm, tám mươi tuổi, ta lấy tiền đâu mà trả. Trước mặt các quan rồi, biết làm sao! Nghĩ vậy Vua liền quay đầu lại gọi:

- Lưu Dung?

- Có thần !

- Vua bảo bày tôi chết, bề tôi không chết thì sao?

Lưu Dung nói :

- Dạ, là bất trung ạ!

- Cha bảo con chết, con không chết thì sao?

- Thế là bất hiếu ạ!

- Đúng như vậy. Ta là vua, ngươi là bề tôi, ta bảo ngươi chết, người chết chứ?

Mọi người nghe, sợ thay cho Lưu Dung, trong lòng nghĩ đang lúc nhà vua cao hứng, đáng lý nên nhân đây làm cho vua vui thêm, đằng này lại chẳng chịu nghe ra, mượn lời vua, với cái lợi vào mình, khiến đức vua nổi bực, nghĩ ra mẹo mới. Làm thế nào bây giờ. Nếu như vua cứ ban lời, thì anh chàng ắt là phải chết.

Lưu Dung nghe vua nói, nghĩ rằng: Hồng rồi, xem ra hoàng thượng nói đùa mà làm thật. Chà, làm sao bây giờ! Không làm theo lời hoàng thượng ư! Cũng chết. Làm thì chết thật ư! Nhưng xem việc gì rồi cũng có sơ hở. Ta sẽ liệu cách.

Làm thế nào đây? Bảo người chết, người không chết thế là kháng chỉ không tuân, tội đáng chết. Nếu người tuân chỉ thì sống sao nổi? Thế là dành cho Lưu Dung chỉ là hai chữ thôi. Lưu Dung đưa mắt thưa "Thần, hầu chỉ!".

Vua hỏi:

- Người hầu chỉ, theo chỉ nào? Ta bảo người chết thì đi mà chết đi!

Lưu Dung hỏi:

- Tâu, Bệ hạ bảo Dung chết, nhưng chưa nói chết như thế nào, xin ban chủ ý. vua nghĩ: Dĩ nhiên là bảo người chết rồi, ban chủ ý thì ban, bèn bảo:

- Trước mặt là hồ Thái Dịch, sâu tới hơn một trượng, nhảy xuống mà chết.

Người nhảy đi!

- Thần lĩnh chỉ!

Nói đoạn, Lưu Dung sầm sầm tiến tới hồ.

Càn Long thật ra trong lòng không muốn bắt Lưu Dung chết, chỉ muốn dọa hấn một chút, để xóa chuyện hai vạn lạng bạc.

Lưu Dung đâu biết được ý đồ của vua, cứ tiến lên, đứng đến chỗ không bước thêm nổi nữa, dám tiến sĩ thấy Lưu Dung hăm hở, ai nấy đều sợ thay cho Lưu Dung đến chớm bên bờ hồ, thì lại không nhảy, chỉ nghiêng mình xuống hồ ba lần rồi quay lại, đến trước mặt Càn Long nói:

- Thần xin được dâng lại chiếu chỉ!

Nhà vua chun mũi lại bảo:

- Nhà người giao chiếu chỉ nào vậy?

- Tâu, thần vừa định nhảy, dưới nước có một người ngăn lại, bảo cho hỏi vài câu, hỏi xong thì hãy nhảy!

Vua lấy làm lạ hỏi:

- Dưới nước có người ư! Ai vậy?

Dạ, là Khuất Nguyên ạ?

- Khuất Nguyên nói với người điều gì? ông ấy nói với thần thế này: "Ta gặp hôn quân nên mới chết, người gặp vua sáng suốt nên quay lại!". Khuất Nguyên thấy vua mê tối, vô đạo, khiến ông phải nhảy xuống nước mà chết, còn thần, Lưu Dung gặp được Người là minh chủ, thì chết làm gì! Do thế Dung này quay lại. Chủ thần là đức Càn Long, thần không chết, không chết

được!

Hoàng thượng nói:

- Vậy là ngươi đừng chết! Ta bảo ngươi chết, hóa ra ta là vua mê tối ư! Thôi được, ta cho ngươi được sống.

Vua nghĩ: Hầy, xóa được chuyện phong hai chữ “Thằng gù”, đỡ tốn vài vạn lạng bạc, ta lại mang tiếng hôn quân ư! Nhất định phải nghĩ cách khác để xóa hai vạn lạng này!

Mọi người đều thở phào nhẹ nhõm.

Vì thế, đám tiến sĩ, vừa mới thăm vườn hào hứng đôi chút, giờ không dám hí hửng thêm, chỉ cung cúc theo vua, đến Ngũ Long Đình, xem khu Tiểu Tây Thiên, rồi đến Lầu Vạn Phật. Vừa đến cửa, thấy hai chậu Mã lan, nhà vua chợt nghĩ ra điều gì, có thể nhằm chỗ yếu của Lưu Dung, lấy tay chỉ vào hỏi:

- Lưu ái khanh, hai chậu này là cây gì vậy?

Lưu Dung thuận miệng đáp luôn đó là Mã Lan. Hoàng thượng lại vặn hỏi thêm: Thế nào gọi là Mã Lan?

Đối với các quan, trả lời thô dưng là bị phạt bổng, nhân đó là xóa hai chữ phong “Chàng Gù”, hai vạn lạng coi như không có! Lưu Dung nhanh trí, lấy tay chỉ luôn một chậu Mã Lan nói:

- Tâu như chậu này là Vạn niên thanh, mùa nào cũng đẹp cả!

- Lưu Khanh, sao lại gọi là chậu vạn niên Thanh?

Lưu Dung nói:

- Tâu, thần nghĩ đó là Đại Thanh giang sơn nhất thống, do đó gọi là “nhất thống” (một chậu) vạn niên Thanh (3).

Nhà vua nghe quả là thích thú, liền tỏ lời vỗ về, khen là khá.

Càn Long có một chiếc vuốt đeo ở đầu ngón tay cái, là một đồ tiến cống của phương tây, vô giá. Vua liền nói:

- Chuyện nhất thống vạn niên thanh giỏi đấy! Lưu Dung Trẫm thưởng cho ngươi chiếc vuốt này?

Vua nói xong, liền rút trao cho Lưu Dung. Thực ra, vua nào có thực tâm thương đâu, nếu vua trao cho Lưu Dung cầm lấy đeo vào, là mắc tội khi quân. Ta là vua, ngươi là bề tôi, dù là cái của ta rút ra trao, ngươi dám đeo ư! Tội khi quân đấy. Dầu không bị giết thì chuyện phong hai chữ “Chàng gù” coi như xóa. Lưu Dung biết thừa, chỉ nói: “Thần xin cảm tạ ơn vua!”.

- Chỉ tạ ơn thôi ư! Ngươi đeo vào đi!

Lưu Dung nói:

- Dạ thần đâu dám.

Vua nói:

- Không đeo, hay là ngươi chê! Nếu ngươi nói không thích, tức là kháng chỉ, không có hai vạn lạng bạc nữa đâu!

Lưu Dung chỉ nói:

- Đức Vạn Tuế thưởng cho thần, thần đâu dám không nhận.
- Nhận, sao người không đeo.
- Tâu, nếu đeo vào thì mắc tội khi quân, không đeo tức là kháng chỉ, không kính vua!

Vua nghĩ, hẳn bảo ta nói ỡm ờ đây, liền bảo:

- Thế bây giờ người định thế nào?
- Bệ hạ tặng thần chiếc vuốt này, thần không dám đeo, thần xin được đưa cho người hầu theo thần, xin được đem về quê tại huyện Gia Thành, phủ Thanh Châu, tỉnh Sơn Đông, dâng lên thờ tổ tiên thần.
- Được!

Chuyện chiếc vuốt thế là qua. Chả còn cách gì. Vua tôi lại cùng dạo bước, tiến tới điện Phật. Đám người đi theo chẳng ai nói năng gì. Lưu Dung thì mồ hôi đầm trán, bụng nghĩ: Không biết vua còn thử chuyện gì nữa đây. Vào đại điện, chỉ thấy một pho tượng lớn, một vị A di đà bụng rất to. Vua hất đầu chỉ tay nói:

- Lưu ái khanh, pho tượng này là vị Phật nào?

Lưu Dung xuýt nữa thì buộc miệng thưa là Phật A Di Đà bụng to, sợ vua lại vặn hỏi. Phật là Phật, sao dám bảo là A di đà to bụng. Làm quan to mà ăn nói thô lỗ, ắt bị phạt giáng cấp. Hai chữ phong “Chàng gù” coi như xí xóa: hai vạn lạng bạc mất toi và chiếc vuốt quý cũng phải trả lại.

Biết vậy, Lưu Dung chạy lên thưa: “Đức vua hỏi đến, thần xin tâu đây là vị Phật Vui ạ!”.

Câu trả lời thật đúng, vị Phật kia chẳng toét miệng đang cười là gì? Vua tuy thấy Lưu Dung trả lời rất giỏi xong lại hỏi thêm một câu: “Sao ông ấy lại cười, cười trộm ư?”.

“Sao? Phật thấy Phật cười ư?” Vua nói đoạn liền đi đến bên, kéo Lưu Dung đối mặt với Phật, rồi nói: Lưu ái khanh, Phật thấy người cũng cười đấy!

Trả lời được câu này quả rắc rối, nếu như Lưu Dung thuận miệng nói theo:

Vâng Phật thấy, Phật cười, thì ông cũng giống như vua ư! Lại tội khi quân.

Mọi thứ thu hồi tất, đẩy ra chém ở trước cửa Ngọ Môn, chuyện phong hai chữ “Chàng gù” cũng xí xóa. Người chết nghèo rồi, tiền cấp cho ai. Lưu Dung đảo mắt, vội thưa: Tâu, Phật cười thần không chịu sửa đạo, còn Phật nhìn thấy bệ hạ mà cười tức là Phật thấy “Phật” mà vui, để nghênh giá. Phật thấy thần cười là muốn bảo rằng người bên là Hoàng thượng, đứng bên để làm gì? Ngốc thế? Sao không biết lẽ? Thế là Phật cười thần không chịu sửa đạo thần tử, ông ấy cười là nhạo thần đấy ạ!

Vua nghe nói thế rất vui, liền bảo: “Lưu ái Khanh, một quãng đường quá là bao khó khăn cho Khanh đấy nhỉ! Nếu như Người tài trí hơn người, ta phải xem việc người đỡ nhì giáp tiến sĩ có uẩn khúc gì không?” Mọi người thấy

vua vui vẻ, lòng cũng nhẹ nhõm.

Cuộc dạo chơi vườn Thượng Uyển của Lưu Dung chấn động cả kinh thành.

Chú Thích:

(1) Ý nói khiêm tốn lại gần dân dã, nên vua Càn Long đánh tụt hạng.

(2) Chỗ này Càn xong chơi chữ bởi chữ Dung (bức thành đất) đồng âm với Dung là tầm thường, vụng về.

(3) chỗ này chơi chữ Đại Thanh nhất thống, ca ngợi nhà Thanh nhất thống (thâu tóm) cả thiên hạ, nhưng chữ nhất thống còn có ý nghĩa là một chậu.

Tể Tướng Lưu Gò

Dịch giả: Ngô Văn Phú & Lê Bầu

Hồi Thứ Hai

Đãi quần thần, Càn Long bày tiệc

Gà câu đối, thị vệ vinh thăng

Lại nói, Càn Long thấy Lưu Dung đối đáp giỏi, rất ưng ý, liền sớm truyền bày tiệc đãi quần thần. Yến tiệc bày ra, đám tiến sĩ theo vua dạo chơi đem chuyện Lưu Dung kể với mọi người. Ai nghe thấy đều phục là thông tuệ, phục tài. Trên tiệc rượu, Càn Long ngồi trước quần thần, lại khen tài Lưu Dung một lần nữa. Các quan đều hết lời xưng tụng, tranh nhau đến mời rượu, trong đó hẳn cũng có người ganh ghét ngầm, không phục.

Lưu Dung đâu phải uống được rượu, nhưng vua ban tiệc, các quan đua mừng khen tài, đành phải uống mấy chén, xem ra cũng hơi chuếnh choáng. Càn Long thấy các quan chưa thật hào hứng, bèn nói: nơi đây đều đủ mặt văn khôi nổi tiếng, lại có tân khoa tiến sĩ, có lẽ để trẫm ra câu đối giúp thêm tử húng. Thứ nhất đó là vua đang thích thú về chuyện dạo chơi ban sớm ở vườn hoa, thứ hai là muốn thử tài các quan. Các quan biết ý, liền đều đồng thanh xin vua xuất đối

Càn Long trầm ngâm giây lát, thấy ngoài điện nước hồ ánh ráng chiều, rất đẹp, liền ra một vế đối:

Ráng chiều ánh nước, ông chài hát măn giang hồng"(1)

Các quan cũng có người giỏi đối, nhưng Hoàng thượng ra câu đối, chẳng lẽ đối ngay, liền vờ như đắm đắm suy nghĩ. Lưu Dung mượn hơi lượn liền đối:

Tuyết rắc ngang trời, trai xóm ca Phả Thiên Lạc (1)

Càn Long nghe xong, mỉm cười, nhìn vào các tân tiến sĩ, bèn ra đối:

Mười khoa tiến sĩ chơi vườn hoa,

Lưu Dung không cần suy nghĩ, đối ngay:

Vạn tuế thiên hoàng ngồi thêm ngự.

Càn Long thấy Lưu Dung đối rất nhanh, câu nào cũng đắt lòng thầm vui, bèn nói: Lưu Dung, trong ngày trẫm có "*Hải đường non*".

Lưu Dung đáp: "Thần có "*Sơn được quý*"

- Trẫm nói là: *Một nhánh hải đường non.*

- Tâu, thần thưa: *Nửa chi sơn được quý.*

Càn Long sửa lại:

- Trẫm nói: "*một cành mang là hải đường non*"

Lưu Dung nói:

- Tâu, thần thưa: “*nửa nhánh rẽ liên sơn được quý*”.

Bên dưới có một người, dềch miệng cười nhìn thẳng mặt Lưu Dung, đọc to lên một vế đối.

“*Anh Vũ lắm lời đua với gió*”

Lưu Dung nghe biết anh chàng này có ý bóng gió nhạo mình, liền cũng chẳng nề, hạ luôn:

Nhện kia dẫu giỏi há bằng tằm

lại có một ai đó, gióng lên một câu mới:

Chó gié vô tri sợ ngõ hẻm

Lưu Dung nào chịu, đối luôn:

Đại bàng cánh rộng vút trời cao

Lại có ai đó xướng lên một câu mới:

Bình thập, dám gò lưng, mở miệng

Lưu Dung đối luôn:

Khóa vàng, phô vẻ quý, sáng lòng

Lại có người thấy Lưu Dung linh lợi, liền đọc:

Trong tuyết có mai, tuyết ánh cành mai, mai ánh tuyết.

Lưu Dung đối luôn:

Gió vờn trúc biếc, trúc xoay gió biếc, gió xoay tre .

Lại có ai đó, đọc:

Lá bồ, lá đào, lá bồ đào, lá ấy, gốc ấy ,

Lưu Dung nghĩ một chút, đối luôn:

Hoa mai, hoa quế, hoa quế mai, xuân thơm, thu thơm.

Mọi người tranh nhau ra câu đối. Càn Long, mặt rồng hớn hờ. Đám các quan say sưa quên cả uống rượu. Càn Long nghe trong bàn tiệc có giọng thô âm Tứ Xuyên. Càn Long liền bảo: "Lưu ái khanh, Trẫm có câu này, người hãy đối nhé":

Thiên lý vi trùng, trùng sơn trùng thủy, trùng khánh phủ (2).

Lưu Dung vội nói "Lĩnh chỉ" và đối ngay:

Nhất nhân thành đại, đại bang, đại quốc, đại minh quân.

Càn Long không ngờ Lưu Dung lại tài giỏi thế, lòng rất cao hứng, liền cười bảo: "Lưu ái khanh, trẫm nhìn đây cả một triều đình lớn, quan văn, quan võ, xem ra người là người khá nhất. Thôi hãy quên chuyện hôm trước đi. Trẫm phải phong cho người chữ gì khác với chữ "Chàng gù" chứ nhỉ!

Nghe vua nói thế, các bàn tiệc cười vang, Lưu Dung cũng cười nói: Tạ ơn Hoàng thượng ban khen, thần đâu dám chối.

Càn Long bữa nay thật cao hứng, vì nghe được những câu đối giỏi, đắt giá. Không biết ông vua này còn bày ra những trò gì nữa đây.

Tương truyền, năm nọ, vào ba mươi tết, vua Càn Long. vận áo thường dân,

đi ra đường tuần thú. Chỉ có một cửa hàng giấy là không thấy treo câu đối, liền đẩy cửa bước vào. Thấy chủ hàng xem ra không vui, vua hỏi sao vậy? Chủ hàng than thở nói: "Năm nay trong lòng không vui, chẳng bụng dạ nào nghĩ câu đối để dán". Vua Càn Long nói: Thế thì ta viết cho một đôi: Chủ quán vui vẽ lấy giấy mực, vua Càn Long liền viết luôn cho hai câu này:
*Chày lớn, chày to, đánh đuổi quỷ nghèo ra cửa,
Dây dài, dây ngắn, (1) dắt luôn của cải vào nhà.*

(1) Ngày xưa tiền được xâu thành quan, thành chuỗi.

Bức hoành phi thì đề: "Hải điểm hưng long" nghĩa là cửa hàng giấy luôn thịnh vượng.

Câu chuyện Vua Càn Long ở nhà hàng giấy lan truyền đi ngay, nội thành, ngoại thành khắp nơi bàn luận, người người lũ lượt kéo đến xem câu đối vua viết. Chủ hàng nhiệt thành tiếp đãi vui vẻ, người bán, người mua giấy, ra vào tấp nập.

Lại một bận, Càn Long ra khỏi triều, cùng với tể tướng cáo lão về làng là Trương Ngọc Thư cùng uống rượu. Vua Càn Long ra câu đối cho Trương Tể tướng đối. Câu đối như sau:

Diệu nhân nhi Nghệ thị thiếu nữ (nghĩa là Người đẹp kia là con gái họ Nghệ).

Loại này là thứ câu đối chiết tự, chữ Diệu chữ Nghệ viết tách ra đều có nghĩa là con gái cả. Trương Ngọc Thư nghĩ mãi cũng không đối được. Lúc ấy, nhìn người thiếp đang hát, mới đối luôn:

Đại ngôn giá Gia Cát nhất nhân (nghĩa là Người lớn tiếng ấy là người nhà Gia Cát)

Vì chữ "đại" và chữ "gia", chiết tự đều có nghĩa "nhà" như nhau. Vua Càn Long nghe xong, liền thưởng ba chén rượu. Trương Ngọc Thư rót rượu thì rượu hết, người thiếp trẻ liền cười ra luôn một vế câu đối mới:

Thủy lãnh tửu, nhất điểm, lưỡng điểm, tam điểm (Rượu nhỏ giọt, một giọt, hai giọt, ba giọt)

Vua Càn Long nghĩ câu này đến nửa ngày cũng không đối nổi, vừa hay dưới lầu có tiếng gọi mua hoa, Trương Ngọc Thư liền đối luôn rằng:

Đinh hương hoa, bách đầu, thiên đầu, vạn đầu. (hoa Đinh hương, trăm nhánh, nghìn nhánh, vạn nhánh)

Câu trên có ba chữ gần với dấu chấm thủy, một giọt, hai giọt, ba giọt. Câu dưới có ba chữ cũng hợp với chữ đinh là trăm nhánh, nghìn nhánh, vạn nhánh, thật đối được cả chữ lẫn ý.

Lại một lần, vua Càn Long lên thuyền vi hành, gặp người chủ thuyền, nhân thuyền ghé vào đón khách, vua vịn lấy thuyền bước lên. Thấy ông khách tướng mạo rờ rờ, liền dắt thuyền tới, nói: "Này, ông kia, tôi ra một câu đối,

ông đối xem nào!", Liền đọc:

Cảng khẩu trướng thuyền nhân; thuyền tiền nhi giảng khẩu. (Bên cảng năm thuyền nhân trước mà nói chuyện).

Vua Càn Long đối ngay sao được. Khi xuống thuyền nhìn lên bờ ngược mắt thấy phía trước, thấy có một nơi bán ngói, có mấy ông khách đang ló đầu ra tranh cãi điều gì. Vua liền đối cảnh sinh tình lập tức đọc cho chủ thuyền:

Oa đầu mãi ngổa vì ngổa giá dĩ giao đầu (Đầu hang bán ngói, vì giá ngói mà chạm đầu)

Câu trên hai tiếng "Cảng khẩu" thường lẫn với "Giảng khẩu" của âm địa phương. Câu dưới chữ "Oa đầu" cùng "Giao đầu" cũng là từ đồng âm, chủ thuyền nghe xong, choàng tay ra khen: "đối hay quá, đối hay quá!".

Lần khác, vua Càn Long đến An Phủ, Giang Tây, ông hỏi một người không quen: Đây là chỗ nào. Đáp: "Tân thành", vua ngẫm nghĩ một lúc rồi đọc.

Tân thành kỷ thời cự

(Thành mới lúc nào cũ)

Nghĩ mãi, nghĩ mãi không đối nổi. Vua đi tiếp đến một nơi khác. Càn Long lại hỏi: Đây là đâu? Đáp: "Phù Thạch", bấy giờ vua mới nghĩ ra được vế đối:

Phù Thạch hà nhật trầm

(Đá nổi bao giờ chìm)

Phù Thạch, Tân Thành đều là địa danh. Cự (cũ) và Tân (mới) rất đối, Phù (nổi) và Trầm (chìm), rất đối "hà nhật trầm" (bao giờ chìm) đối với kỷ thời cự (lúc nào cũ), trên dưới đều rất chỉnh, rất thú vị.

Thế mới biết Càn Long là người dụng tâm vào thú làm câu đối.

Lại nói về trên bàn tiệc bữa ấy, Lưu Dung mượn hơi rượu, thấy vua cao hứng, cũng không kìm giữ nổi, bất kể biết thánh ý thế nào. Lưu Dung nói: Tâu đức Vạn Tuế, thần nghĩ được một vế đối, xin Người nghe cho!

Không lường nổi Lưu Dung dám nói như thế, văn võ bá quan trên bàn tiệc đều kinh hãi, bụng nghĩ, Lưu Dung hỏi Lưu Dung, người cậy thông minh, sao lại dám nghĩ ra chuyện xóc nổi này? Nếu như Hoàng thượng đối được thì thôi, ví như không đối nổi, có phải mua khổ vào mình không?

Lúc ấy vua uống rượu đang thú vị, viên tiểu thái giám cầm hồ rượu rót rượu, Càn Long thấy nó không được rảnh, liền vẫy tay gọi viên thị vệ đứng ở dưới lên hầu quạt, nghe Lưu Dung nói, liền bảo "Ái khanh cứ ra đi, đừng ngại".

Lưu Dung liền ra một vế đối:

Tùng tử vi kỳ, tùng tử mỗi tùy kỳ tử lạc

(Dưới bóng tùng đánh cờ vây quả tùng rụng theo quân cờ rụng)

Vua nghe câu đối ra thật có ý, nhưng chưa nghĩ ra vế đối, vừa làm ra vẻ trầm ngâm, vừa rót rượu đưa lên miệng. Viên thị vệ thấy Hoàng thượng có vẻ lúng túng, liền cúi mình xuống, nói khẽ: "Sao Hoàng thượng không lấy ý đáng liêu bên hồ!". Càn Long nghe gật đầu hướng mắt nhìn ra hồ, chợt nghĩ

ra, liền đọc:

Liều biên thùi điếu, liễu ty thường bạn điếu ty huyền

(Bên liều buông câu, tơ liễu thường quán quít với dây câu)

Các quan nghe đều rầm trời tán tụng, Càn Long quay lại nhìn viên thị vệ hầu quạt, thấy môi hồng, răng trắng, quả là một thanh niên đẹp trai, liền gật đầu chú ý, nhấp một ngụm rượu nữa, hướng về Lưu Dung, vua nói: "Lưu ái khanh, còn câu đối nào hay nữa không?"

Thói thường nếu thấy việc đã tốt rồi thì nên thôi, nhưng Lưu Dung có đầu chịu thế. Cũng do trong tiệc vua uống đã nhiều, nên cái gan cũng to hơn gấp bội, giá ngày thường thì gã cũng chịu nghỉ đấy, song bữa nay như gió xuân đắc ý, sao mỗi chốc lại thu về, được nghe vua truyền, lại càng phởn, bèn thưa:

- Tâu, đức Vạn Tuế, thần Lưu Dung trên đường tiến kinh đi thi, thấy miếu Khổng Minh, miếu ấy tu sửa có phần đặc sắc, do đó ấn tượng khó quên, dọc đường chỉ nghĩ đến miếu Khổng Minh, nghĩ ra một vế đối: đến nay vẫn chưa đối được, không biết Hoàng thượng có chịu nghe không?

Vua nghe càng háo hức liền bảo: nói nhanh, nói nhanh để trẫm và mọi người cùng nghe. Đám người nghe Lưu Dung nói, có kẻ không ưa, nghĩ bụng: Cái thằng gù Lưu Dung kia, thật là người mua lấy cái chết, không biết được, việc đã tốt thì nên thôi, lại cứ muốn chơi rồn trước mặt vua, thật chẳng biết trời cao đất dày là gì. Không biết người ta thường nói việc đã xảy ra một lần mà không thể xảy ra hai lần ư? Người tự mình mua môi múa mép, không lo hậu quả ra sao, hãy cứ ngẫm xem lời ta nói thế nào!

Lưu Dung thấy vua sẵn sàng nghe, tinh thần phấn chấn liền ra một vế đối:

*“Thu **nhị** Xuyên, bài **bát** trận, **thất** cầm **lục** túng, **ngũ** trượng nguyên trung, **tứ thập cửu** thịnh tinh đăng, **nhất** tâm chỉ vọng thuần **tam** cố”*

(Thu hai Xuyên, bảy tám trận, bảy lần bắt, sáu lần tha, năm lần ra nguyên trung, bốn mươi chín ngọn đèn dâng sao, một lòng chỉ nghĩ đến đáp chuyện ba lần đến mái lều tranh).

Vua và các quan nghe đều thấy vế ra quá hay, thâu tóm hầu hết được những sự tích một đời Khổng Minh, lại khéo dùng các chữ số, từ một đến mười, thật khó có thể ai nghĩ ra được.

Một tuần trà đã qua, mọi người vẫn còn xôn xao bàn tán, nhưng không một ai đối nổi, tất cả đều đổ dồn nhìn vào đức vua, chỉ thấy Càn Long, tay nâng chén rượu đầy, cúi đầu ngẫm nghĩ. Thấy vậy, người nào cũng mong nghĩ ra vế đối, để giải bớt nỗi lo của Hoàng thượng. Trong đám người này cũng có người thông minh, chợt nghĩ đối được đoạn này, chữ kia, song không dám khinh suất nói ra, sợ làm rối ý nghĩ của nhà vua.

Quay nhìn Lưu Dung, thấy gã vẫn cứ tự rót rượu mà uống, mọi người nghĩ bụng, sao lúc các quan không nghĩ nổi, nếu người đã có sẵn vế đối, nói luôn

ra đi, làm gì cứ chơi khăm nhau thế, nói ra có phải tốt cho người không ? Các quan nghĩ mãi không ra, chỉ thấy viên thị vệ hầu quạt bên nhà vua, lại cúi gập mình xuống, khẽ nói với Càn Long: "Tâu đức Vạn Tuế, cho phép nô tài được nói".

Càn Long quay nhìn, vẫn là viên thị vệ nọ, không biết là anh ta đã nghĩ ra cách đối hay định thưa điều gì liền gật đầu ưng thuận.

Viên thị vệ che quạt, thưa: "Hắn nói đến văn thần, Hoàng thượng hãy lấy vũ tướng mà đối. Hắn nói đến chuyện tam cố thảo lư của Khổng Minh, sao bệ hạ không nghĩ đến chuyện cứu con cô của Triệu Vân".

Nghe được câu ấy, nhà vua như bừng tỉnh, vua đặt chén rượu đầy xuống, cười một trận ha hả, nói:

"Lưu ái khanh, khanh ra về câu đối thật là giỏi, nào biết về đối của Trẫm liệu đối có xứng không đây!".

Các quan nghe ai nấy đều vui vẻ, cùng tâu: "Hoàng thượng thật sáng suốt!"

Vua Càn Long mặt bừng khí sắc, đưa mắt nhìn một lượt đại sảnh, từ từ đọc về đối:

Bảo cô tử, xuất trùng vi, nhất mã đơn phương, Trường Bản kiều biên, số bách thiên viên thượng tướng, độc ngã do năng báo lương toàn

(Ôm con cô, ra khỏi vòng vây, một ngựa đơn phương bên cầu Trường Bản, trước trăm ngàn viên thượng tướng, chỉ ta là giữ vẹn cả đôi).

Mọi người nghe xong, xung tưng hết lời, đều nói: "Hoàng thượng anh minh, về đối thật tuyệt tác".

Sự tích về Triệu Vân vốn chưa ai nói kỹ, chỉ lấy tích "Cứu A Đầu giữa muôn vạn quân địch" rất oanh liệt, về đối này mượn đề tài, khéo dùng những chữ "bách, thiên, đơn, lương, độc, cô, trùng", cũng là những từ số lượng mà về ra đã đặt bẫy để đối lại, thật khó ai có thể làm được.

Vua Càn Long cũng biết về đối hay, nên càng đặc ý, thấy mọi người khen, lại rót thêm rượu.

Lưu Dung nghe xong, vội quỳ lạy, khấu đầu, miệng nói: "Hoàng thượng muôn tuổi, người thật là người trời, thực là điều may mắn cho triều đại ta. Bệ hạ đối hay không những giải được suy nghĩ nhọc nhằn, lại khiến thần như cây khô được mưa xuân, sương thu vậy, đầu óc mở mang, kiến thức được bồi đắp".

Càn Long nghe, mỉm cười không nói, chỉ nghĩ đến viên thị vệ hầu quạt, liền quay đầu lại hỏi: "Người là người thế nào?".

Viên thị vệ bước lên khấu đầu, thưa: "Tâu đức vua, nô tài là giám nghi thị vệ, nô tài tên là Hòa Thân!".

Càn Long nghe, thử suy đoán về Hòa Thân, nghĩ bụng: người này tuổi trẻ, đẹp trai, ta vừa mới thấy lần đầu, cũng thử xem thế nào đã, liền bảo:

- Người đang làm Thặng Dư sai sứ, để khỏi dùng lầm người, ta đưa người

làm sai sứ đặc biệt, được không.

Hòa Thân nghe được, vội quỳ xuống, cất cao giọng:

- Xin tạ ơn trời biển của Đức Vạn Tuế, vạn vạn tuế!

Càn Long rất vui, nghĩ rằng chàng trai này hẳn có tài hình dung tuần tú, lại bảo Hòa Thân rằng:

- Bình thân, người hãy theo luôn bên ta, chờ những việc ở trong cung trầm cần sai bảo!

Chẳng cần nói đến chuyện Hòa Thân tạ ơn cùng việc yến tiệc tan thê nào, chỉ nói đến Lưu Dung thấy Càn Long nâng chức cho người ấy, lại nghĩ đến chuyện anh ta nhân lúc thê thọt mà dâng lời, bụng dạ hẳn khác, lại nghĩ biết đâu sau này anh ta lại là đối thủ của mình kéo theo bao người khác nữa, liền tỉnh đến một nửa rượu.

“Anh chàng Hòa Thân kia, tự biết mình có cơ hội lên mây, xem ra, ta và Hòa Thân đã đến lúc xuất đầu lộ diện rồi”.

Chú thích:

(1) Tên hai điệu từ thời nhà Tống.

(2) Câu này ghép chữ nghĩa là: Chữ thiên ghép với chữ lý là chữ trùng: Trùng sơn, trùng núi, phủ Trùng khánh. Câu của Lưu Dung là chữ nhất ghép với nhân thành chữ đại : đại bang, đại quốc, đại minh quân.

Tể Tướng Lưu Gò

Dịch giả: Ngô Văn Phú & Lê Bầu

Hồi Thứ Ba

Khéo Dụng Tâm Tư, kẻ Mặt Ròng

Bồi Vương tả hữu, bước lên trời

Hòa thân là người như thế nào? Viên thị vệ Hòa Thân ấy, tên chữ là Trí Trai, họ Nửa Khô Lục (Niu-khu-lu) người ở Chính Hồng Kỳ, Mãn Châu. Dẫu sinh ở kinh đô, song từ bé theo ông tổ dời sang ở Hàng Châu, do gia thế nghèo, mấy đời không có ai làm quan to, lập được công lớn, nhà dần sa sút. Năm 18 tuổi, truy xét công lao của vị cao tổ, Hòa Thân được tập âm làm Sinh viên thừa tập, đệ tam đẳng, giữ chức khinh xa đô úy. Hòa Thân thông minh học rộng, biết nhiều, lắm mưu trí.

Năm hai mươi tuổi, cha Hòa Thân tìm khắp các nhà quen có danh vọng, công lao lớn, viết cho Phó Tổng Binh Cam Túc là Phúc An một bức thư, gửi con trai là Hòa Thân dưới trướng ông ta, cũng mong sau này tiến tới, do thế Hòa Thân kiếm được một chức tham quân trong cửa của Phúc An. Lúc đó, 43 làng ở đất Tô nổi loạn, thanh thế rất lớn, quan quân đánh dẹp nhiều lần không nổi, triều đình chấn động, vua Càn Long liền sai trọng thần là A Quế làm khâm sai đem quân đánh dẹp. A Quế đến ngay Cam Túc, đúng vào lúc Phúc An đi đánh bị đại bại, trúng thương, quân bị giết đến trên sáu ngàn, lương thực khí giới mất rất nhiều, A Quế nổi giận, quyết đem ra trừng trị. Ngay hôm ấy, A Quế hạ lệnh đem Phúc An và bộ hạ đến trước dinh chuẩn bị hỏi tội gia hình. A Quế cho chỉnh đốn quân uy, ra oai thị chúng, để lấy lại lòng quân sĩ và dân chúng, cũng là do đám quan quân ở Hải Lan, lên biên ải đã lâu, chưa được xem xét để về gần, khổ sở lâu ngày không phục, sợ quân đi dẹp giặc ngay bất lợi, A Quế mới chủ động bày ra việc này.

Công trường lớn đã mở, ba người bị trói lôi vào, đó là Phúc An, người thứ hai là Vũ tướng Trương Dũng, người thứ ba là tham quân Hòa Thân.

A Quế ngồi trên trướng lớn, hỏi:

- Lũ chúng bây đã biết tội hay chưa?

Ba người biết bữa nay lành ít, dữ nhiều, không dám nói nửa câu. A Quế thấy thế lại hỏi:

- Phúc An, người chịu ơn vua đã lâu, không nghĩ việc hết lòng đánh giặc, để thua hoài, nuôi chí giặc thêm lớn, giờ nói sao đây?

Phúc An nghe hỏi, cúi mặt trả lời: Tôi biết tội khó tránh, xin đại nhân mở lượng hải hà, cho đổi tội lập công, để báo ơn Hoàng thượng.

A Quế nghe, cười mỉm: Tất cũng nên thế, nhưng người còn non non, ta

đang xem nên xử thế nào!

A Quế trong triều đình ai chẳng biết là người xảo trá, lòng dạ đen tối, tham lam, tính nết kỳ quái, vui giận thất thường, hưởng hồ bầy giờ quyền bính nghiêng trời. Kỳ này đem binh đi, được lệnh trong triều, trong quân hay các vùng nổi loạn, kẻ nào không phục, đều có quyền ra oai, do đó, A Quế càng làm tới với đám Phúc An.

Việc đến thế, Phúc An làm gì chẳng sợ. Nghe A Quế nói, giọng có dụ đi, xem ra có vẻ phóng khoáng, liền quỳ xuống, dập đầu nói:

- Tướng quân mở lòng ân đức, tôi nghĩ, đại nhân vốn lòng từ bi, chắc không nỡ giết tôi.

Nào ngờ nghe thế, A Quế mặt biến sắc, quát to:

- Nói láo. Từ bi làm gốc là quái gì? A Quế ta, dùng đao thương làm gốc, hiểu chưa. Người bảo ta không biết giết ư, ta cho người biết tay! Tả hữu đâu?

- Dạ.

- Lôi đi chém!

- Tuân lệnh!

Võ sĩ lập tức lôi ra khỏi trướng chém đầu, sau đó giải Trương Dũng vào. A Quế nhìn Trương, nói:

- Chủ ngươi là kẻ sợ chết, cầu ta tha mạng không xong. Còn nợ, ta chưa rõ ra sao. Người ta thường nói, anh hùng không sợ chết, sợ chết chẳng anh hùng. Đúng không, người nghĩ thế nào. Muốn chết hay muốn sống?

Trương Dũng nghĩ: xem ra lạnh ít dữ nhiều, cầu sống thì hẳn bắt chết, chi bằng không thềm xin xỏ, may ra còn có cơ sống, do đó, thẳng mình, nói:

- Tôi nghĩ tướng quân muốn giết tôi, chẳng qua giết thêm được một kẻ tầm thường, làm gì mà chẳng giết được! Thế là ta cũng đã làm một trang hảo hán được hai mươi năm rồi!

A Quế nghe cười ồm lên, nói:

- Nói rất hay, cũng đáng mặt là một võ tướng. Tầm lòng khí khái ấy, lão phu lẽ nào không cho người về tây thiên!

Nói vậy, liền rút bảo đao từ trướng, sai võ sĩ đem giết luôn.

Giết luôn hai người, A Quế mở nửa mắt, không biết có nên chém tiếp, hay nên mở lượng hiếu sinh, liền hỏi:

- Hãy còn một đứa nữa à? Người nghĩ sao? Bản soái, giết người cũng đáng đấy!

- Tướng quân tha tội cho tôi được nói lời thẳng, việc này, kẻ học trò tôi này chẳng có cách nào dứt nổi.

“Chà”, câu đáp xem ra nghe được đây! A Quế lập tức mở mắt nhìn, thấy một người trên hai mươi tuổi, trắng trẻo thư sinh, biết là quan văn. Nhìn khí sắc của A Quế này, người nói lấp lửng à! A Quế không căn dặn thêm gì, chỉ nói.

- Người làm gì?

Người kia đáp:

- Tiểu nhân là Hòa Thân, làm tham sự dưới trướng Hải đại nhân.

A Quế nhìn chàng tuổi trẻ, nét mặt không tỏ ra sợ hãi, lòng đã vài phần vui lên, liền hỏi:

Người nói không có cách nào là sao? Nếu như ta lại hỏi, rồi giết người, thì sao?

- Đó là oai vũ của tướng quân.

- Nếu như không giết.

- Như thế là tướng quân giữ được đức.

- Ồ...

- Dùng uy hay mở đức, hai thứ đó chỉ chọn một. Quyền sinh sát trong tay tướng quân, tôi làm sao định đoạt được!

Câu nói vừa thấu lý vừa mạnh mẽ. A Quế nghe, nghĩ bụng: Thằng này, tuổi thì trẻ nhưng gan thì lớn. Kể cũng khó tìm, ta đi tiểu giặc chính là phải dùng những người như hán đây! Liền vỗ tay bảo:

- Trời còn mở đức hiếu sinh, lão phu há thích giết người. Hai người kia tội đáng chết, thư sinh như người làm gì được. Tha tội!

Tả hữu nghe tướng quân nói "tha tội", liền cởi trói cho Hòa Thân, cho uống rượu để hết sợ. A Quế tha cho anh ta, chỉ vì anh ta tài trí hơn người, lại có ý thu dụng dưới trướng.

Một năm sau, A Quế dẹp loạn có công, Đức vua ban áo thêu kỳ lân, tiền vàng, phong hàng công thần đệ nhất, vinh hoa tột bậc.

Do đó, A Quế trấn tại Cam Túc, xa vua, muốn làm gì thì làm, thế lực càng lớn, Hòa Thân mười phần gắng sức!

Hòa Thân thực ra trong lòng chẳng muốn qui phục A Quế, thứ nhất là việc quan ở ngoài ải vô sự, thứ hai thấy A Quế kiêu căng, cậy quyền làm tới, sớm muộn thế nào cũng mắc tội. Khôn còn trẻ, hãy cứ nung nấu lúc y còn đang vượng. Trong những có người bạn bảo Hòa Thân:

- Đại tướng quân tự mình xoay xỏa, e không phải kế lâu dài! Làm sao tránh những điều làm sai trái của ông ấy được!

Người bạn ấy làm dưới trướng A Quế đã lâu, hưởng thụ quen rồi. Trước mắt cứ theo dấu chân của cây đại thụ, lời ấy chẳng qua là theo thời, nếu có chuyện gì thì sao! Hay mình thác bệnh xin A Quế cho thôi chức! Hòa Thân nghĩ lúc này hợp nhất, liền thưa với A Quế!

A Quế biết, miễn cưỡng nói. "Ta đã có bản tâu lên hoàng thượng, nói rõ công lao của anh. Ta lại viết thư cho Bộ Lại cho người về kinh làm sai sứ rồi!"

Nói đoạn lấy một ngàn lạng bạc đưa cho làm lộ phí.

Lúc đi, Hòa Thân nói với A Quế:

- Văn sinh không chết, ơn của tướng quân không bao giờ quên, chưa có gì

báo đáp, chỉ xin được nói một câu. Ngày nay tướng quân là bề tôi hạng nhất, nên nghĩ đến chuyện khi yên ổn nghĩ ngay đến hoạn nạn”. Câu nói của kẻ học trò tầm thường này, mong tướng quân đoái nghĩ!

A Quế không hề biến đổi sắc mặt, chỉ mỉm cười. Hòa Thân ân cần lưu luyến, rồi hướng kinh thành mà đi.

It lâu sau, A Quế bị đồng liêu đồ kỵ phải giáng 18 cấp, cuối cùng bị xử chết.

Hòa Thân vào kinh thành làm sai sứ, đến Bộ Lại, nhân ở đó khuyết một nhân viên, Hòa Thân được bổ Tam đẳng thị vệ, hầu hạ trong cung chưa được nửa năm, liền có được cơ hội thết tiệc ở vườn vua, do đó, anh ta và Càn Long nửa bước không rời.

Trong "Thanh sử", có ghi chép một số đoạn về Hòa Thân, từ lúc vào kinh đô cho đến lúc chết. Xin chép lại như sau:

“Hòa Thân, tự Chí Trai, họ Nữu Khô Lộc (Niu-khu-lu), người Chính Hồng Kỳ, tỉnh Mãn Châu. Thuở nhỏ nhà nghèo, là thư sinh. Càn Long năm thứ 34, được tập ấm làm đô úy hạng 3, rồi làm thị vệ hạng 3 (Tam đẳng), bổ làm sai sứ. Năm Càn Long thứ 40, làm Ngự Tiền thị vệ ở Cung Càn Thanh, kiêm Phó đô thống. Năm sau được trao chức thị lang bộ Hộ, sung Quân cơ đại thần, Nội vụ phủ đại thần, rồi lại kiêm Thống lĩnh quân đội, sung Sùng Văn Môn Duyệt vụ giám đốc, Tổng lý hành doanh sự vụ. Năm thứ Bốn Mươi Lăm (đời Càn Long), được phái xuống Vân Nam, làm Tham tư sự cho Tổng đốc Vân Nam Lý Thị Nhiêu. Thị Nhiêu là quan coi việc tài chính, được nhà vua ủy nhiệm. Hòa Thân đến, điều tra công việc, đàn hặc Thị Nhiêu, tâu các việc bê bối. Ở Vân nam về triều, việc các châu, phủ, huyện hư trệ, cần được chấn chỉnh, phê bỏ Nhiêu. Vua định dùng Hòa Thân làm Tổng Đốc, sau tính lại lấy Phúc An Khang thay thế. Vâng mệnh về cung được bổ Thượng thư, Thiết chính đại thần, lại phụng mạng tâu bày các việc chính sự, tiền tài, biên giới ở Vân Nam đều hợp ý vua, được trao giữ chức Ngự tiền đại thần kiêm Đô Thống, cho con là Phong Thân được lấy công chúa Hòa Khảo, đợi năm sau sẽ tiến hành hôn lễ. Rồi lại cho làm Thị vệ nội đại thần sung Tổng tài tư khố toàn thư quán kiêm Lý Phiên Viện Thượng Thư sự, là quan lớn hàng đầu triều Thanh.

Năm thứ Bốn Mươi Bảy, nhân tuần phủ Sơn Đông tham nhũng, vua sai Hòa Thân và Lưu Dung đến tận nơi xem xét, thu lại hết tiền bạc của cải, hặc tội tuần phủ Quốc Thái, được gia ân làm Trung ngoại đại thần, hàm Thái Tử Thái Bảo, làm thầy dạy cho thái tử ở tòa Kinh Diển. Năm thứ Bốn mươi tám ban thưởng tiền vàng sung làm Tổng tài Quốc Sử quán, kiêm Tổng Tài Thanh tự kinh quán. Sau khi dẹp giặc ở Cam Túc về, luận công trạng, ngoài chức cũ là Lại bộ Thượng Thư, Hiệp Biện độ học sĩ..., Quản lý Bộ hộ, còn kiêm chức Khinh xa đô úy, hàm nam tước hạng nhất.

Năm thứ năm mươi một (đời Càn Long), xảy ra việc ngự sử tào là Tích Bảo cùng người quen của Hòa Thân là Lưu Toàn, xây nhà vượt qui ước, Vua cho là họ được Hòa Thân che chở, nhưng không nói rõ ra, đổ tội cho gia nhân, lệnh cho hội đồng đại thần cùng Viện Đô sát xét hỏi Tích Bảo. Biết rõ những chuyện riêng hủ bại ở nhà Hòa Thân, nhưng không dám nói ra. Hòa Thân liền cho phá nhà của Lưu Toàn, ra tay trị Toàn. Tháng sau, vua chỉ trao chức Đại học sĩ Viện Văn Hoa, lại xuống chiếu rằng: Thân làm Giám Đốc Sùng Văn điện tám năm, là đại học sĩ, giữ quyền chức, để cho quan ở huyện là Tích Bảo lộng hành, lỗi ấy ở Giám Đốc. Sau đó liên tiếp xảy ra các vụ việc Tri phủ Quảng Tín, Tổng Đốc Lương Quảng Phú Lạc Hồn, Hòa Thân thấy đều dính dáng đến Kinh thành thóc cao gạo kém, Hòa Thân xin cấm tích trữ, ai trữ trên năm mươi thạch đều bị phạt tội. Đám con buôn cho rằng không nên. Đình thần họp bàn việc, có ý khiển trách.

Năm thứ năm mươi ba, do đẹp giấc Lâm Giáp Văn ở Đài Loan, tấn phong Trung Nhượng Bá hạng 3. Năm thứ năm mươi năm ban cho đai vàng, áo bào. Kịp đến tuần Càn Long mừng thọ tám mươi, cho Thân làm Thượng Thư lo việc khánh điển.

Năm năm mươi sáu, do việc Thượng Thư Bành Vô Thụy soạn bài có lỗi bị khiển trách, Hòa Thân hặc tội Thụy dám soạn lời riêng vượt lời vua, liền xin đục bỏ...

Năm năm mươi bảy, đánh giặc có công, được làm Hàn lâm viện Trưởng Viện học sĩ. Năm thứ sáu mươi, sung Điện thí điển khảo quan. Bởi dính vào việc chấm thi, định lệ có uẩn khúc bị bãi chức năm Gia Khánh thứ hai, điều sang giữ bộ Hình, vì hao hụt quân nhu, thôi không kiêm quản Hộ Bộ. Năm Đại Khánh thứ ba, có công bình giặc Tam Quế, thăng tước Công.

Hòa Thân nắm quyền lâu, thao túng triều đình, điều tay chân về triều, tạo bè cánh, tham lam, tước đoạt, không chuyện gì không dám. Từ lúc làm bộ hạ cho A Quế, cho đến khi vào triều làm đại thần, công nhiều, tội lắm, xét cho cùng cũng là mưu hoạch cho mình cả...

Mãi cho đến năm Gia Khánh thứ tư, Hòa Thân mới bị vua Gia Khánh cho tự chết, xét cả cuộc đời của Hòa Thân, là người xảo trá, ác độc, nhưng lại khéo mồm, suốt thời Càn Long trị vì, nắm quyền trên 30 năm, trong triều ngoại nội không thiếu gì người căm ghét, nhưng y lại khéo chiều những ham thích của Càn Long, không việc gì không được lòng vua, do đó càng được thể vung tay, làm điều gian dối.

Từ ngày Càn Long được gã thị vệ phát hiện ở bàn tiệc đem về, đem lòng yêu quý, vì Hòa Thân còn có tướng mạo hao hao một người - Phú Sát.

Phú Sát là một hậu phi được Càn Long rất yêu. Bà chết được 4 năm, Càn Long cũng chưa chọn ai vào cung.

Hoàng thái hậu (mẹ Càn Long) mấy lần bảo Càn Long kén hậu phi, đều bị

Càn Long thưa: "Phi tần tuy nhiều, nhưng không ai được bằng Phú Sát", do đó bỏ việc tuyển chọn. Trong bữa đại yến mới lần đầu thấy Hòa Thân, khiến cho Càn Long gan ruột bần thần. Phú Sát không những rất đẹp, mà kỳ, cầm, thư, họa (đánh cờ, đàn, viết chữ, vẽ) đều giỏi. Vì thế vua Càn Long luôn gần gũi Phú Sát Suốt ngày, Phú Sát ở bên vua, lại càng trao đổi cầm, kỳ, thư, họa, nghệ thuật ngày càng hay, giỏi. Cho nên vua cùng Phú Sát suốt ngày cầm ca không dứt, đàn hát, ngâm thơ. Do đó vua rời nàng sao nổi.

Thời gian chơi bời kéo dài, Hoàng Thái hậu phải nói nhỏ với Càn Long.

"Nhà vua nên lấy xã tắc làm trọng, không nên suốt ngày đắm vào thanh sắc, đàn ca...". Bà còn nặng lời nói thẳng với Phú Sát: "nhà người không vì nghiệp vua, chỉ muốn được vua yêu, suốt ngày kéo vua vào ca ngâm không dứt, hết ca lại làm thơ, ý người muốn gì? Vua tuy yêu người, nhưng còn gia pháp, quốc pháp, đừng làm như vậy mãi!".

Càn Long được mách lại, trong bụng không thích thú gì. Lại một bữa, hoàng thái hậu nhắc chuyện xưa: Đức Thánh Tổ thuở làm vua, làm việc không ngơi nghỉ, nên mới có giang sơn Đại Thanh ngày nay, đến nỗi đoán thọ, còn nhà vua, đã làm nên việc gì chưa? Càn Long nghe liệu có hưng chí khí được không. Vua lâm triều, sớm tâu nhiều, biên cương tây bắc không yên, loạn lạc nổi lên, binh tướng mấy lần chưa dẹp nổi. Vua về cung, lòng không vui, nói: Ta đường trường là hoàng đế Đại Thanh, thế mà trong không vỗ về nỗi thế thiếp, ngoài không yên nổi đất nước còn mặt mũi nào nhìn thấy tổ tông nữa. Thấy vua buồn bực, Phú Sát biết, liền gượng bệnh mà đến, nói với Càn Long: "Hoàng thượng có điều gì không vui? Thiếp xin có một khúc ca, bệ hạ có muốn nghe không ?".

Phú Sát, lấy hết tinh thần, hát khúc: "Tiễn Chiêu Quân". Càn Long nghe lòng đang phiền muộn, khúc ca lại như kêu gọi thêm, cứ thở ngắn than dài... Phú Sát lòng thêm xúc động, hát xong liền ngã ngất luôn. Mấy ngày sau, Phú Sát lại càng gầy sút, khiến Càn Long xót xa, không coi châu sớm được.

Do đó, dù Càn Long có định chăm lo việc nước, nhưng lòng còn vương vấn về Phú Sát đau ốm, làm sao nguôi được. Hoàng Thái Hậu hối hận, cũng không thúc giục nhiều nữa. Sở dĩ Thái hậu làm như trên là vì trước sau bà vẫn muốn tuyển cho con một hậu phi, nhưng Càn Long không quên nỗi Phú Sát, nên ngần ngại thái hậu, mấy lần đưa đẩy từ chối, thái hậu cũng đành thôi, chờ dịp khác.

Một năm rồi hai năm trôi qua, chuyện Phú Sát, Vua Càn Long cũng khuây khỏa dần, sau ba năm nàng mất, vua mới chịu tuyển hoàng hậu, và sinh được Gia Khánh hoàng đế sau này.

Lại nói trong bữa đại tiệc, hoàng đế Càn Long thấy Hòa Thân, mặt mày tuấn tú, nói giọng nước Ngô, hành vi cử chỉ xem ra tài tình, phong độ, sao tránh

khỏi cảm tình.

Sau bữa tiệc, vua cho vời Hòa Thân, cho làm thị vệ hầu hạ bên mình. Từ đó, vua luôn luôn có con mắt xanh với Thân, chẳng bao lâu cho làm đại tổng quản đúng là một bước lên mây vậy.

Lại nói, vua Càn Long, từ bé đã có chí khác thường, tính tình phong độ, rất thích ăn chơi. Vớ được Hòa Thân, như gắm thù hoa, hướng chỉ y lại rất khéo chiều người, nhất nhất Càn Long nghĩ ra việc gì đều biết nường theo ý. Huống hồ Hòa Thân tuy trẻ, nhưng hiểu biết rộng, lớn lên ở Giang Nam, nên lại có chút tài hoa. Cứ mỗi lần Càn Long tỏ ý muốn đi chơi xa, Hòa Thân đón ý đều nói về phong cảnh Giang Nam, người phương bắc có ai khoe về nơi khác, đều bị Thân khua môi, múa mép phản bác kỳ thắng mới chịu thôi. Thế thì Càn Long sao không thích, không yêu. Hòa Thân từ đó, luôn ở bên vua và rất được lòng.

Một hôm Càn Long bảo Hòa Thân: Ta muốn đi chơi Giang Nam một chuyến, hiềm vì nam bắc đường xá xa xôi, sợ tốn sức quan lại và dân chúng, tiêu pha tốn kém, nên chưa quyết. Người nghĩ thế nào?

Hòa Thân nói:

- Đức Thánh Tổ hoàng đế nhà Thanh ta sáu lần đến thăm Giang Nam, dân chúng có ai phản nản đâu, trái lại rất ca tụng công đức. Các vị vua thánh ngày trước như vua Nghiêu, vua Thuấn, theo điển lệ cũ, năm năm một lần tuần du. Huống chi, đời Nghiêu Thuấn, dân tình thuần phác, còn như thời của Hoàng thượng bây giờ, sao lại không làm! Nhà nước đang lúc hưng thịnh kho đụn vàng bạc đang sẵn, nhiều năm vô sự, khắp nơi giàu có, nếu có tốn ít vàng bạc, liệu có là bao!

Bình sinh vua Càn Long, rất muốn noi gương hai triều vua trước là Khang Hy và Ung Chính, rất thích học Nghiêu, Thuấn, nghe Hòa Thân nói, liền yên tâm nói:

- Thế thì ta khỏi lo lắng rồi!

Chẳng bao lâu, Càn Long xuống chỉ chuẩn bị tuần thú phương nam. Hòa Thân vâng mệnh sai đóng thuyền rồng làm thật đẹp, thật khéo, tiêu tốn khá nhiều tiền, tiêu tiền như nước chảy, Hòa Thân cũng kiếm được vài vạn lạng. Càn Long thưởng cho Thân làm thị lang vì tỏ ra mắn cán.

Thuyền rồng đóng xong, Hòa Thân sức cho tuần phủ tổng đốc các tỉnh, sớm tu sửa hành cung, sửa sang đường thủy bộ thông suốt chuẩn bị đón vua.

Càn Long được hoàng thái hậu triệu vào, sau đó chọn các phi tần, văn võ đi theo hộ giá, trừ những người ở lại coi giữ kinh thành. Vua lên thuyền đi tuần, xe ngựa đầy đường, thuyền bè chật sông, không sao đếm nổi. Nơi nào vua qua, địa phương hết lòng đón tiếp, đều giao cho Hòa

Thân kiểm tra. Hòa Thân bảo tốt thì vua nói tốt, Hòa Thân bảo chưa tốt, Càn Long cũng nói là chưa tốt. Đôn đốc mọi mặt, đều một tay Thân, mưu mẹo

lợi riêng, cũng trăm phương ngàn kế.

Hai cung bỏ bộ lên thuyền, thuyền rồng xuôi về Giang Nam, trước hết thăm chơi từ Trục Lệ đến Sơn Đông, rồi xuôi về Liêu Ninh. Do đất Giang Đông là đất Lục triều xưa hưng thịnh, Càn Long lưu lại vài ngày, lại ở Dương Châu vài ngày, Tô Châu cũng ở lại vài ngày, đây vốn nhiều thắng cảnh, không đâu là không đến. Tô Châu, Hàng Châu, đường thủy rất tiện, từ Tô Châu, đến Hàng Châu, quan đốc phủ tỉnh Chiết Giang biết Càn Long tính tình rất thích sông núi, nên xây hành cung ở Tây Hồ, lộng lẫy khác thường. Hòa Thân vốn lớn lên ở vùng Giang Chiết, đến đó lại càng được thể, mượn dịp tu sửa mộ tổ.

Hai cung đến đất này, thăm đủ các lầu, gác, quả đã thấy núi, hồ, đẹp đến thật khác thường. Càn Long hào hứng, làm thơ, khắc bia, có lúc say quá, Hòa Thân lại khéo nhắc để thăm thú nơi khác. Vua lại đến thăm sông Tiền Đường, thăm Tế Vũ Lăng, rồi coi duyệt binh trên sông nước.

Một ngày chợt được báo Hải Ninh Trần Các Lão sai con trai đến nghênh giá. Càn Long chợt nhớ khi rời cung điện, thái hậu dặn kỹ hãy đến thăm Hải Ninh một lần, vì thế từ Hàng Châu, vua mới bảo đến Hải Ninh. Trần Các Lão nghe tin vua ngự giá, liền cho sửa vườn An Lão, trang hoàng cực kỳ lộng lẫy, trong ngoài vuông phủ đều sửa sang thật đẹp, rồi đem hết các con cháu trong họ, chờ nghênh tiếp đức vua. Chẳng bao lâu, thấy thuyền rồng đang tới, liền sắp hàng quỳ lại, vua cho miễn lễ.

Trần Các Lão đón hai cung lên bờ, dẫn vào thăm nhà, thăm vườn An Lão, mời ngồi rồi sắp hàng trẻ già, trai gái trước sau cúi lạy. Hai cung cho phép vợ chồng Trần Các Lão ngồi ở hai bên, vợ chồng Trần Các Lão cung kính tạ ơn. Đám đàn ông, đàn bà vâng chỉ lui ra. Rồi hiến trà, dâng rượu, gia nhân bận tít tít. Một nửa hầu giá vào vườn, một nửa lưu lại trong thuyền, vì vườn không thể chứa hết người. Rồi vua cho vợ chồng Trần Các Lão hầu tiệc, cùng với văn võ bá quan cung nga thể nữ theo thứ bậc ngồi vào, có tới một vài trăm mâm, những thứ ăn ngon sơn hào, hải vị ở phương nam, phương bắc bày la liệt, lại có một ban nữ nhạc hầu tiệc, một lần khoản đãi, tốn không biết bao nhiêu tiền bạc. Thấy vẻ mặt vua Càn Long có đôi nét giống Trần Các Lão, nên Trần Lão thái thái luôn đưa mắt ngó nhìn mặt rồng, như có chút gì nghi hoặc, ngoài miệng thì không tin lời đồn, nhưng trong bụng không khỏi thắc mắc, tiệc tan, theo lời thái hậu, vua cùng vợ chồng Trần Các Lão thăm vườn một vòng, rồi bước vào chính sảnh. Vua Càn Long ban lời cho vợ chồng Trần Các Lão rằng: Vùng này rất tiện, trẫm vâng lời thái hậu định ở lại vài ngày, nhưng thấy hai vị già cả, sức yếu, lại luôn giữ lễ, khiến ta nề không muốn ở lâu.

Trần Các Lão vội nói:

- Hai cung xa giá đến đây, không quản nhà cửa của thần tôi xấu, xin được ở

chơi vài ngày, đó là gia ơn đặc biệt cho thần vậy.

Thái hậu cũng bảo: Ở lâu người hầu hạ cũng nhiều, hai vợ chồng ông già cả, có thể lúc nào lui ra cũng được, không phải luôn bên mình chúng ta châu chực.

Vợ chồng Trần Các Lão tạ ơn lui ra.

Tối đó? Càn Long gọi Hòa Thân đến bàn việc kín, nói lại việc trên bàn tiệc, dặn Hòa Thân rằng: Ta thấy chuyện tưởng như có thể bỏ qua, song lòng vẫn áy náy. Người không được lộ ra ngoài, làm to chuyện để mọi người biết, mà hãy lặng lẽ tìm hiểu ra sao.

Hòa Thân phụng chỉ, không cho ai hay, một mình đi đi lại lại trong vườn hoa, giả cách chờ trăng, ngắm hoa.

Đến lúc đêm khuya, bốn bề vắng tiếng người, Hòa Thân lặng lẽ đến gần vườn hoa, không thu được tin tức gì, liền đến gần khu nhà, thấy ngôi nhà ở góc vườn, cửa phòng ánh ra một ánh đèn le lói, bên trong có hai người chuyện trò to nhỏ, liền nhẹ nhàng đến tận bên cửa, thấy bên trong, một người nói:

- Cậu còn trẻ, biết làm sao chuyện ấy được.

Người nói trước lại hỏi:

- Bác là người cao tuổi hẳn biết được nhiều chuyện cũ, sao chẳng nói lại cùng tôi.

Hòa Thân áp tai vào có nghe xem người kia trả lời ra sao, nhưng không hiểu sao, bên trong im bật, chỉ nghe thấy một tràng tiếng ho khù khụ, khiến Hòa Thân không còn cách nào phải tiến lại gần hơn, nghe tiếng thảm thì.

Vừa mới bước lên, dẫm luôn phải một bồn hoa, nghe đánh cạch một cái. Thế là Hòa Thân phải quay ngoắt, ẩn sau cửa ngoài vườn hoa, nghe thấy tiếng trong nhà vọng ra:

- Cái gì ở ngoài ấy thế nhỉ? Hay là có người nào, nhanh ra xem đi!

Hai người đổ ra nhìn ngó, thấy một chậu hoa không, lăn xuống vườn, một người bảo:

- Đây là con mèo từ căn phòng nhảy xuống khiến cái chậu lật đổ. Chẳng phải ma quỷ gì đâu!

Họ nhìn trái, nhìn phải, thấy chẳng có gì khác thường, liền quay vào phòng. Thế là câu chuyện bị gián đoạn. Hai người lại nói đến chuyện ma quỷ. Một người nói:

- Mấy hôm nay, nhà này ắt có chuyện nào đó, từ đâu bỗng dưng đến, hay là chuyện ai đó buông lời quấy quá nhân chuyện sửa vườn, sửa nhà đón xa giá chẳng?

Người kia nói:

- Bữa trước thật cũng lạ, nữ lão gia của chúng ta, từ ngoài bước vào ở góc cửa tây, rõ ràng là không thấy cổng vườn đã hạ, nên dẫm xầm phải, ngã bật

ngửa ra, người nhà phải đến đỡ, không cả dám cho đại lão gia biết. Hòai cụ bà, cụ nói: Trong bụng chẳng nghĩ là có cửa, thì làm sao trông thấy được. Chính lúc như có ai xui ra thế mà ngã đấy. Thế có lạ không?

Mấy người trong nhà cứ bàn tán, Hòa Thân đứng ngoài sân vẫn không động tĩnh, rồi thoắt lén nhanh chân, đến ngay dưới cửa sổ, xem họ nói những gì. Đến nơi, thấy họ nói lung tung những chuyện khác, lòng thêm ngao ngán, song vẫn cố náu, gặng chờ đợi. Máy người càng nói, chuyện càng rầu, nghe thế, Hòa Thân không đứng nổi nữa, bụng nghĩ, cái khói đèn xông ra, ta đến bị trúng độc mất, nhưng bỏ đi, cũng chẳng cam lòng, cắn răng chịu đựng, lại nghe người trong nhà nói:

- Mọi người cũng không nên cho thế là chuyện bất an, như người và ta phúc nhỏ, ơn mỏng, nghèo hèn thế này, quỉ thần cũng chẳng thèm ngó đến đâu!

Người kia bảo:

- Thế câu chuyện kia thì sao?

Người kia nói:

- Bất không nổi thì quỉ thần mới đâm ghét, nếu bắt đi rồi ắt là sẽ có mưu kế định theo. Người như ta và người, bắt thì được cái nổi gì?

Người kia cười nói:

- Nếu như thần vườn bắt anh đi, anh được lên trời, liệu có sướng rơn lên không?

Ta không ăn ở thất đức, bụng dạ không đen tối, không như lũ chúng mày, thịt người chết cũng ăn sống, nuốt tươi, thì ta tất được lên trời chứ!

Tiếng ai đó:

- Bác nói rằng bụng dạ không đen tối, thì có chuyện hay, sao bác không kể đi!

Lại nói thêm:

- Cái chuyện kia ấy!

- Chuyện trong phủ này có nói hoài cũng không hết!

- Cái lão tổng quản trời đánh, muốn hại bác không xong, cũng chẳng là chuyện đáng kể ư! Vả lại chuyện cũ trong phủ, can gì đến chúng ta. Bác cứ nói mà chơi, tôi nghe mà chơi, nói rồi, cũng như là chưa nghe ấy mà!

- Thôi kể đi! Không kể chuyện còn biết làm quái gì nữa!

Hòa Thân nghe thấy thế, liền lấy lại tinh thần, trong bụng nghĩ, chúng mày nói gì thì nói nhanh lên, không tao biến luôn thành quỉ thần, bắt luôn chúng mày đi đấy.

Cái lão gia, được gọi là già Khương nói:

- Trong phủ này tao cũng được xếp vào hàng thân thiết, nhưng chưa thật được tin cẩn đâu. Chuyện trong phủ có ổi chuyện lằng nhằng, nhưng chuyện này thì không thể quên được.

- Thôi, rong chuyện mãi, kể nhanh đi!

Cái người tên là Già Khương lại nói:

- Tao và đại lão gia hơn ba mươi năm trước, lúc ở Bắc Kinh, thái thái sinh được một cậu con trai, đương kim thái hậu biết chuyện, sai ôm đi luôn. Đại lão gia đâu dám trái lệnh. Rồi một đứa trẻ được đưa đến thay thế, biến trai thành gái, lão thái thái cũng đành chịu, bảo đại lão gia, lão gia không thể nào chống lại được, đành để cho ôm đi. Đến nay được trông thấy Đức vua, ta lại nghĩ đến chuyện ấy, không biết vua có phải là đứa con trai đánh đổi ấy không!

Câu chuyện ấy lọt vào tai Hòa Thân, tưởng như sét đánh bên tai, phải lâu mới định thần lại được. Chợt nghe bên trong lại nói:

- Cái lão đại tổng quản ấy rất lỗ mãng, không biết bên ngoài có ai nghe trộm không?

Hòa Thân không dám nghe tiếp, ba chân bốn cẳng chạy mất.

Giữa đường gặp thị vệ đi tuần, tưởng Hòa Thân là giặc may nhận ra Hòa đại nhân, liền tiến đến hỏi han, Hòa Thân xua tay đuổi đi, vội vã đi về phòng cả đêm trằn trọc, không ngủ được, đến sáng, vội sang thỉnh an đức vua.

Càn Long vội hỏi:

- Đã có tin tức gì chưa?

Hòa Thân nói:

Có được một tin, thần sợ là không chuẩn xác!

Càn Long nói:

- Bất luận đúng hay không đúng, cứ nói Trẫm nghe.

Hòa Thân nói:

- Tin này, nô tài không dám tâu!

Càn Long hỏi duyên cớ, Hòa Thân đáp:

- Việc rất quan trọng, thẳng hoặc tâu sai thì tội đáng tòng xẻo.

Vua Càn Long nói:

- Ta tha tội cho người, nói đi.

Hòa Thân rút cục vẫn không dám nói, Càn Long bộ bảo:

- Người không nói, ta xử người phải chết đấy!

Hòa Thân quỳ xuống nói:

- Thánh thượng xá cho tội muôn lần đáng chết, nô tài mới dám tâu. Xin thánh thượng thật bình tâm!

Càn Long gật gật đầu. Hòa Thân đem chuyện nghe được ở trong vườn kể lại một lượt. Càn Long nghe thấy cả kinh, chằm chằm bảo:

- Những lời nói chưa có căn cứ ấy, đã chắc gì đúng!

Hòa Thân nói:

- Nô tài nghe không biết đúng sai thế nào, xin Đức vua xá tội!

Càn Long nói:

- Biết rồi, không phải nói nữa!

Câu chuyện ẩn ức ấy, từng nghe được trong cung, Hòa Thân cũng không dám hỏi, cũng không dám giảng giải, chỉ tự mình lưu tâm xem xét động tĩnh ra sao. Bữa nay nghe được chuyện ấy, không thể không bấm lại cho Càn Long. Lại thấy thái độ của vua như vậy, trong bụng thầm nghĩ:

- Xem ra chuyện này Hoàng thượng cũng đã lưu ý, biết thế, ta chẳng nên nghe chuyện của mấy đứa giữ vườn. Không biết Hoàng thượng có ghét không, mình cũng phải để tâm đây!

Chẳng biết làm sao, vua lại bảo sau khi đi chơi Giang Nam về, vua Càn Long sẽ mặc trang phục người Hán.

Liệu có phải từ cái chuyện trao đổi với Hòa Thân không!

Hòa Thân trong lòng sợ hãi, nhưng nhìn lại vua, thấy không đả động đến việc ở Trấn phủ, nên cũng tin đến tám, chín phần. Nếu như ta nói không nên mặc trang phục đời Hán, sợ trái ý vua. Nếu như nói mặc là rất hợp, thì vua lại cho rằng mình chưa quên câu chuyện kia, nói bỏ đi, nếu Đức vua ghét mình, thì chuộc khổ vào thân, nghĩ hết cách, Hòa Thân vẫn chưa yên lòng.

Hòa Thân trả lời:

- Tâu Đức Vạn Tuế, việc này nhìn đại thể mà nói, ví như Hoàng thượng, xuất ngoại thăm thú, du ngoạn thì thay đổi quần áo chẳng có gì đáng ngại, còn ở trong hoàng cung, e không tiện. Thứ nhất sợ đó không phải là ý nguyện của người trong cung điện; thứ hai, nếu như dễ đổi thay trang phục, trong ngoài cung điện, triều đình đua nhau làm theo thì tiền của cũng rất phí phạm, mà sau này khó có thể ra nổi chế định. Theo ý thần, việc này chưa gấp gáp nếu như ý Hoàng thượng quyết như vậy, thần đâu dám không làm theo, vả lại việc nhất thời há phải lo xa làm gì, không biết ý Ngài như thế nào?

Càn Long nghe Hòa Thân nói, thầm nghĩ. Anh chàng này quả là kẻ biết thừa gửi đây, người thế, không tin sao được, liền nói:

- Người nói đúng, để ta nghĩ thêm đã!

Chẳng bao lâu, thái hậu biết chuyện, truyền chỉ cho Càn Long rằng: “Nếu con đổi mặc trang phục người Hán là bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa? Ta không làm đâu,”

Càn Long bấy giờ mới thôi không dám, và câu chuyện trang phục người Hán mới cho qua luôn.

Từ đó, nhất nhất mọi chuyện, Càn Long đều tin Hòa Thân, khiến Hòa Thân ngày càng kiêu căng.

Lần chơi Giang Nam này, một bận đang trên đường, Càn Long hứng lên bảo: Chuyện đi này, giá có Lưu Dung thì rôm rả chừng nào. Hòa Thân trong lòng không vui.

Sau khi về đến kinh thành, biết mình chẳng còn được như lúc ở Giang Nam. Cứ nhớ đến câu vua nhắc đến Lưu Dung, trong ruột đầy ghen tức. Thế là

giữa hai người không còn là chuyện đối đáp lời qua tiếng lại nữa mà ghét giận vào đến tận xương cốt, bụng nghĩ Lưu gù kia, ta phải ra tay với người mới xong đây!

Tể Tướng Lưu Gù

Dịch giả: Ngô Văn Phú & Lê Bầu

Hồi Thứ Bốn

Nạn gấp cứu người, lộ thêm tài đức

Giúp quan xét án, liêu việc như thần

Lại nói Lưu Dung sau bữa ăn yến ở vườn Thượng Uyển được vua Càn Long giao chức Trực Nam thư phòng, Nội các học sĩ. Xưa đến giờ, vốn chẳng có việc gì phải bận tâm. Nhân thấy Hòa Thân được Vua yêu, nay mai hai người lại cùng làm việc với nhau, Hòa Thân thì ngày càng leo cao chót vót, lại thấy hắn làm nhiều việc trật khác, chẳng coi ai ra gì. Rồi oán tích ngày càng đầy. Lưu Dung này vốn là người chính trực, lại có chút hòa hoa, vậy bút chữ như rồng bay, nổi tiếng một thời, thì làm sao mà chịu được Hòa Thân, và Hòa Thân thì coi Lưu Dung chẳng khác gì cái đinh trong mắt.

Đầu pháp họ ra sao, sau này sẽ nói.

Trước hết hãy nói, Lưu Dung là người thế nào.

Trong "Thanh sử" có thấy chép:

“Dung, tên chữ là Sùng Như, đỗ tiến sĩ năm Càn Long thứ 16. Tự làm chút Biên Tu sau thắng Thị Giảng. Năm Càn Long thứ 20, vì mắc tội cách quan hạ ngục Dung. Sự việc làm rõ, được trao chức Biên Tu, Đốc học ở An Huy, sau việc xét chuyện đồ cống nạp của huyện An Châu tốt, xấu đến đâu.

Dung dâng sớ xin bắt các huyện lại các phủ huyện, lười nhác dong chơi phải sát hạch vào qui củ. Vua sực cho Tổng Đốc hai tỉnh Giang Tô, Giang Tây theo pháp nước để buộc bọn lại thuộc năng nỗ học hành. Sau đó được làm Tri Phủ Đại Nguyên tỉnh Sơn Tây, vì để liêu thuộc ở phủ làm bậy, phải sung quân hiệu lực, khi mãn hạn được làm Hành tẩu Tu thư xử, Sau được làm Tri Phủ Giang Ninh, ở Giang Tô, nổi được tên tuổi, được thăng Án Sát sử Thiểm Tây rồi trả lại chức Nam Trực thư phòng, nội các học sĩ. Sau đó làm thị lang Hồ Bộ, rồi thị lang Bộ Lại, tuần phủ Hồ nam, rồi lại làm Tả Đô Ngự Sử, Nam Trực thư phòng, vua sai cùng Thượng Thư Hòa Thân xét việc Tuần Phủ Sơn Đông là Quốc Thái tham nhũng, được thăng Thượng Thư Bộ Công. Tiếp đó ông được làm Tổng Đốc Trực Lệ, hàm Hiệp Biện đại học sĩ. Năm Càn Long thứ 54, do các thầy dạy Hoàng Tử xao nhãng chức trách, ông là người cai quản chung, bị giáng chức xuống làm Thị lang, Nội các học sĩ, rồi làm Lại Bộ Thượng Thư lần thứ ba. Năm Gia Khánh thứ hai làm Nhân Các đại học sĩ, được sai cùng Thượng Thư Khánh Quế Như về Sơn Đông xem xét hình án. Năm Gia Khánh thứ tư, làm Thái Tử thiếu bảo. Ông dâng sớ hặc tội Trần Tào Chính, đóng thuyền không kỹ lưỡng, dọc đường ăn

trộm gạo nhà nước rồi đục thuyền cho chìm, hoặc bỏ chèo hư, lái gãy, còn thuyền cũng không dùng được, Dung xin vua bắt các hành tẩu phải lo việc đóng thuyền chở lương phải chu đáo, thận trọng, đều được vua nghe, trao cho đình thần bàn bạc, thi hành. Năm Gia Khánh thứ chín, ông mất, thọ 85 tuổi, được tặng hàm Thái Tử Thái Bảo, được thờ trong đền các bề tôi tài giỏi, hiền đức, có tài văn chương. Lưu Dung cũng là người viết sách, danh tiếng một thời..."

Trang "Thanh sử", đã tóm lược cả sự nghiệp một đời của Lưu Dung. Trong các sách vở còn lại, được nhân dân truyền tụng cũng nhiều, người viết sách này chọn lựa để viết.

Lưu Dung là người Chu Thành, phủ thanh Châu, tỉnh Sơn Đông, tuy tổ tiên được hưởng ơn vua, nhưng vốn thanh liêm, trong nhà sản nghiệp chẳng có là bao, anh em, con cháu lại đông, gia sản chia bồi, chỉ còn ba mẫu ruộng. Ông ở với vợ là Lâm Đại Gia, và con ở gái là Kỹ Hà và hai gia nhân là Văn Thừa và Tưởng Kỳ. Bởi tài học của Lưu Dung hơn người, nên lúc hàn vi, tiếng tăm đã vang dội, cũng vì nghèo thanh bạch, lận đận trên đường cử nghiệp chẳng lẽ chịu chết già ở làng! Cũng do tài đức, nên các chức sắc ở quê mới khuyên nên lên kinh đô ứng thi, và cũng do tài đức nên làng xóm, quê hương mới lưu truyền mãi về sau.

Lại nói, năm ấy, tỉnh Sơn Đông mất mùa, trong vùng thóc cao gạo kém, đến nhà có máu mặt đôi chút cũng bữa rau, bữa cháo, bữa sáng không có bữa tối, còn các người khác thì ăn rễ cây, hạt cỏ qua ngày.

Bữa đó, đêm khuya thanh vắng, người nhà đã ngủ yên. Lưu Dung còn đốt đuốc đọc sách. Chợt nghe trong nhà có tiếng dế kêu. Rồi, nghe như có tiếng chuột xục tìm ăn, liền cố ý háng giọng, thì thứ tiếng trong nhà im mất. Một lúc sau, tiếng dế lại rích... rích, réc... réc... nổi lên. Lưu Dung lấy làm lạ, liền rón rén đến trước cửa buồng, thò đầu nhìn vào xem thật kỹ.

Cửa lớn chưa đóng, ánh trăng chiếu đầy phòng, một người đầu đội mũ tang đang lục cục làm gì đó. Gã khua chiếc mũ gai vào khoảng không, rồi gã lại hươ hươ chiếc gậy chống lão trước vạt áo dài, mở chiếc túi vải ra. Lưu Dung nhận ngay ra đó chính là Lý Bân, cũng là một người đọc sách. Mẹ gã vừa chết, gã cũng đâm ra ốm đau. Người này cũng là người trung hậu, từng trải. Làm cái chuyện vớ vẩn này cũng là do cùng đường. Những nhà khác, tuyệt không dám tới, chỉ đến nhà Lưu Dung khua khoảng tí chút. Hẳn là gã biết mình bán chữ cũng có chút tiền, gã hẳn biết đồng tiền mình kiếm được rất đáng hoàng. Ôi, đây đúng là một người bạn văn cùng lứa, ta phải cư xử tử tế, sao lại chân chừ gì nữa.

"Không để cho anh ta bề mặt trước". Lưu Dung nghĩ. Chợt, bên ngoài gió lớn nổi, trăng đôi lung linh, tiếng tre vụn mình cọt két.

Lòng lâng lâng, Lưu Dung nghĩ ra một bài thơ, liền đọc:

*Gió lớn nổi chừ, trăng tối mờ,
Nhà nghèo, quân tử ghé chơi u!
Thi thư, bụng chứa trăm nghìn cuốn,
Tiền kềm e chùng có nữa xu
Vào cửa những kinh đàn chó dữ,
Vượt tường, e chạm mấy bồn hoa.
Đêm khuya nào kịp đưa cùng tiền,
Mong giữ gan liền để trở ra...*

Lý Bân biết Lưu Dung đã trông thấy, lòng không vui, nên lặng lẽ tháo lui. Chiều ngày thứ hai, đẩy cửa, bảo vợ là Lâm Đại Gia rằng: Hôm nay tôi dùng bức thư pháp bán được mấy thăng gạo, nhà bảo Văn Thừa mang sang cho Lý Bân.

Lâm Đại Gia đưa mắt nhìn, Lưu Dung đoán được ý vợ, bảo:

- Trong nhà, lo rồi cũng xong, mai tôi sẽ tính. Nhà Lý Bân khó khăn hơn nhà mình!

Văn Thừa mang túi gạo của Lưu Dung đi, khê hé cửa nhà Lý Bân, đẩy cửa vào, nhà lạnh tanh, bếp tro một lớp tro vàng, trước bài vị của bà mẹ, đặt vài bát canh rau, hình như đã ôi, vì mấy ngày bếp không nhóm lửa.

Văn Thừa tiến vào cửa. Lý Bân đang nằm trên giường vùng dậy, lấy hết sức hỏi: Ai đấy?

- Tôi!

Văn Thừa đáp nín thở để khỏi hít phải mùi khó chịu.

Lý Bân nhìn lại thì thấy gia nhân của Lưu Dung lập tức người run lên, nghĩ đến việc đêm qua muối mặt vừa làm. Hay là nơi nhà Dung biết đến sửa cho một trận. Gã chùn đầu lại chờ trận mắng.

Văn Thừa đến bên giường, nói rất chân thành:

- Ông Lý! ông Lưu nhà tôi bán chữ đổi được ít gạo, bảo tôi mang sang cho ông.

Lý Bân rầy lên, nói:

- Không, không, không, nhà tôi cũng sống qua được ngày!

Văn Thừa cố nhịn để khỏi rơi nước mắt:

- Nhà chúng tôi mang tới chút ít lương thực thôi, ông nhận cho.

Nói xong, quay ngoắt người, đi mất.

Lý Bân mang cái thân đang ốm, cầm lấy túi gạo nặng nặng trên tay, đuổi theo nói:

- Anh Văn Thừa ơi, tôi không dám nhận đâu, tôi không dám.

Ông ta phải giương cặp mắt đang hoa, chân run lẩy bẩy, xiêu xiêu vẹo vẹo, mới lê được đến cổng ngoài thì ngã lăn quay xuống.

Lấy hết sức lê vào nhà Lưu Dung, thấy trong bát đang ăn của họ toàn là rau dưa, một hột gạo cũng không thấy, Lý Bân thất thanh khóc lên rằng:

- Bác Lưu, tôi thật lòng xin lỗi cả nhà, tôi không dám nhận gạo bác cho đâu. Nói xong, đặt túi gạo xuống đất.

Lưu Dung cầm lấy tay Lý Bân khuyên nhủ:

- Tôi sợ bác đói mềm ra mất rồi! Vào đây, húp một bát canh rau cho ấm bụng.

Lý Bân húp canh, nước mắt rùng rùng, rơi cả vào bát. Ăn xong, Lưu Dung lại sai Văn Thừa giúp Lý Bân mang gạo về nhà.

Lại một lần, Lưu Dung trên đường đến Đông Quan, thấy một người đàn bà ngoài bốn mươi, trong tay ôm hai đứa con ngồi khóc.

Lưu Dung đến gần hỏi:

- Này chị, có điều gì đau lòng phải không?

Người đàn bà vừa khóc, vừa nói:

- Nhà tôi, đàn ông đều chết sớm, để lại hai đứa trẻ nhỏ. Con cô mẹ góa biết sống làm sao. Tôi đến hàng muối của Trương Đại xin mua ít muối, ngay từ cửa, muối vãi cũng đầy cả ra, nhưng vì tôi thiếu tiền mua muối chưa trả lão Trương, nên lão nhất định không bán. Ông ta lại còn lấy luôn cả cây đèn rỗng vốn được tổ tiên lưu truyền của nhà tôi.

Lưu Dung mới nghe, tức đầy ruột, muốn lột da cái thằng buôn muối này.

Lưu bèn lấy trong túi ra mấy lạng bạc đưa cho người đàn bà, nói:

- Chị cầm lấy mà mua gạo, củi, dầu, muối...

Nói đoạn, cầm đầu đuổi theo bọn khiêng cây đèn.

Theo phố xá hướng tây, Lưu Dung theo đuổi kịp một số người, thấy một lũ gia nhân mặt mày hung tợn, ba chân bốn cẳng đang khiêng một cây đèn lớn, thờ phỉ phò.

Cái gã họ Trương, bụng to tướng, giống như một con vịt bầu đang ì ạch đi theo.

Lưu Dung tiến lên vái Trương buôn muối hỏi:

- Xin hỏi "cây" đèn rỗng này có bán không.

Gã buôn muối cau mày nghĩ: Bán cây đèn này thì bán cả cái chứ ai lại bán cân, với chỉ (l). Gã nhìn Lưu Dung từ đầu đến chân, nghĩ bụng: hấn chẳng qua là một thằng học trò đàn, chẳng biết phép mua cây đèn, chỉ khiến làm trò cười cho ta, liền nói:

- Nửa lạng bạc một cân!

Lưu Dung cười bảo:

- Chà, thế thì thật khéo, tôi mua, tôi mua... nhanh, nhanh lên, khiêng về nhà tôi đi.

Gã buôn muối tính, nếu được nửa lạng bạc một cây, cây đèn này cũng đến

vài trăm cân (đơn vị cân đương thời - ND) thì ta cũng đã cả trăm lạng bạc, phải bán luôn đi! Nhưng gã lại sợ Lưu Dung lươn lẹo, bèn bảo: Đã nói là không có thay đổi đấy nhé!

Lưu Dung nói:

- Đã nói là mua, không lật lọng đâu!

Gã buôn muối sừng trong bụng, lấp bắp nói:

- Nhà ông ở đâu.

- Không xa đâu, ở phía phố bên đông kia kìa.

Gã buôn muối vẩy tay, lũ gia nhân hùng hù hỏ hỏ khiêng tới, hướng về phía đông mà đi.

Để cho lũ khiêng cứ việc chạy, Lưu Dung cứ đi chậm lại, bỏ xa đến một quãng. Gã buôn muối bảo.

- Này ông kia, rảo chân lên một chút.

Lưu Dung nói:

- Tôi có mắt cá dưới chân, chạy không nổi, ông hãy bảo đi chậm một chút.

Gã buôn muối tham của, gọi gia nhân dừng lại, bảo Lưu Dung:

- Thế này vậy, ông ngồi luôn lên cây đèn cho chúng nó khiêng đi.

- Họ khiêng được ư!

Gã buôn muối tính gì đám người kia khiêng được hay không khiêng được, cứ nói ào đi:

- Khiêng được, khiêng được! Khiêng như bay ấy chứ!

Đám gia nhân đưa trước đưa sau khiêng, gã buôn muối hò hét bên cạnh, cứ sợ Lưu Dung ngồi trên không được êm. Bọn người khiêng thở không ra hơi, gã buôn muối cứ thúc giục luôn miệng. Đi một lèo được bốn, năm dặm, Lưu Dung biết bọn này nuốt không trôi, vả lại cũng gần đến nhà người đàn bà nọ, liền bảo họ dừng lại một cửa miếu bên đường. Lưu Dung gọi gã buôn muối lại bảo: đứng đợi ở cửa, chạy vào trong miếu. Một lúc sau, từ miếu đi ra, cầm theo một chiếc cân nhỏ, chỉ vào cây đèn, Lưu Dung bảo gã buôn muối:

- Này, đập cây đèn ra, cân cho tôi cả ba cân!

Gã buôn muối nghe, nổi giận âm âm, quát to lên rằng:

- Nhà người lão khoét, trên đời này ai lại đập cây đèn ra bán cân bao giờ?

Lưu Dung thủng thẳng bảo:

- Kìa, tôi và bác đã bàn mua một cân là bao nhiêu rồi kìa mà! Tại sao bác lại tự phản lại mình thế. Ai bảo bác không nghe kỹ?

Gã lái buôn, bả hoại, cãi:

- Ta nghe người bảo mua một cái (chỉ), bao nhiêu cân kìa mà!

Lưu Dung cười ha ha:

- Ái dà, bác thật hay dờn, tôi chỉ mua một chỉ (đồng cân) cây đèn thì việc gì phải hỏi bao nhiêu cân!

Gã lái buôn gân cổ cãi nhau với Lưu Dung, Dung cứ để hấn cãi tịnh không

nói gì. Lái buôn nói:

- Ta với người đến ngay cửa quan, ngay cả đến trước thềm vua, ta cũng không sợ!

Nghe cãi nhau phía ngoài ầm ĩ, đám hòa thượng từ trong miếu bước ra. Lưu Dung đem chuyện mua cây đèn kể hết đầu đuôi. Các hòa thượng nghe xong, đều cho là gã buôn muối sai, người ta có bàn về chuyện cân kẹo gì với anh đâu, một bên muốn mua, một bên muốn bán, anh còn lòi thoi gì? Nghĩ vậy liền bảo:

- Ông không bán thì khiêng đi, có ai bắt ông phải bán đâu chút

Lão buôn muối chết đứng chỉ còn cách khiêng đi thật. Nhưng đám gia nhân mềm như bún, một bờ hơi tai rồi, chẳng chịu khiêng. Đám hòa thượng bèn bảo:

- Nếu như cây đèn này muốn bán, thì giá bao nhiêu

Gã buôn muối thở dài nói:

- Cây đèn này người ta gán nợ với giá hai lạng bạc.

Hòa Thượng liền quay sang Lưu Dung bảo:

- Nay ông, người ta đã khổ sở khiêng đến đây, nếu như ông muốn mua, trả cho họ hai lạng.

Lưu Dung nói:

- Mua thì mua, nhưng mới khiêng được có nửa đường thì biết làm sao đây?

Tôi trả hai lạng khiêng tạm vào gửi nhà người bạn của tôi gần đây vậy.

Gã buôn muối nghĩ, khiêng về nhà thì cũng không nổi nữa, bèn bán cho thằng cha này, dứt túi chắc hai lạng của nhà kia gán nợ, liền gạt đầu bằng lòng bán.

Khiêng được vài bước đã đến trước cửa nhà người đàn bà nợ. Lưu Dung nói:

- Dừng lại, đặt vào trong này.

Rồi lấy hai lạng bạc trả. Gã buôn muối nhìn ra, cây đèn lại đem đến nhà người thiếu tiền muối, liền đỏ bừng mặt, không tin vào mắt mình.

Thế là phí công toi hì hục khiêng khiêng, vác vác...

Loại chuyện cứu người mắc nạn gấp của Lưu Dung như thế này, người Sơn Đông kể ran ran nhưng những chuyện nhiều màu, nhiều vẻ của Lưu Dung, phải là những chuyện Lưu Dung xử án.

Lại nói, đất Thanh Châu ở Sơn Đông từ xưa mầu mỡ, sản vật phong phú, giao thông thủy bộ, bốn mặt đều thông suốt, thành một nơi sầm uất, mấy trăm năm rồi, dân Thanh Châu vẫn lưu truyền bốn câu thơ này:

Muôn nhà nghèo rớt, một nhà giàu,

Phải trái triều đình, chuyện đâu đâu!...

Thích nhất Thanh Châu nhiều thứ quý

Thanh Phong, Minh Nguyệt (1) đón người vào.

(1) Trăng trong gió mát.

Tương truyền mấy câu thơ này có từ đời Vạn lịch nhà Minh, do một viên quan tri phủ Thanh Châu viết ra.

Tri phủ họ Vạn, người huyện Vạn, đất Xuyên Đông. Ông đỗ tiến sĩ, làm quan huyện trải mười năm, thì đến Thanh Châu nhậm chức, muốn xem xét hết các mặt tốt, xấu ở xứ này.

Ông nghe nói Thanh Châu là đất tốt, lòng rất mừng. Vài năm sau, mới hiểu hết, ông năng làm những việc tốt để trước là báo đáp ơn vua, dưới khỏi phụ lòng dân chúng. Nào có biết, trước đây, hào phú khá nhiều, mấy năm gần đây nạn tham quan lại những không dứt, chúng vợ vét khiến bao nhiêu nhà xơ xác, dân không còn cách nào để sống, cảnh vật đâu còn thịnh vượng như xưa... Chỉ riêng việc ,”dưa tiến” cũng là thứ chuyện sâu thẳm khiến bao nhiêu nhà kiệt quệ, bao nhiêu người bỏ mạng.

Nguyên do, đất Thanh Châu trồng được một loại dưa ngon, màu trắng như bạc, ăn đủ các mùi thơm, ngon, đượm, mát, gọi là ”Dưa mật ong” là một thứ đặc sản rất quý. Thường nghe nói: “người sợ nổi danh, lợn sợ lớn”, dưa nổi tiếng, lan truyền đến tai vua, nên triều đình năm năm bắt đem nộp cống.

Việc này chỉ khiến đám hào lý, quan lại vui vẻ, còn dân chúng trăm họ thì khốn khổ. Bọn quan lại địa phương núp dưới chuyện cống phẩm triều đình, gặp mùa dưa chín, câu kết với bọn hào phú, mượn chuyện đem dưa cống vua mà xâu xé trăm họ, kết quả chỉ quan béo, dân gầy. Người trồng dưa không nuôi nổi gia đình, không trồng nộp quan thì quan phủ bắt tội, đến nỗi đành bỏ vườn lược, quê hương mà đi kiếm ăn ở nơi khác. Thật là:

Dưa trắng như sương

Dưa ngọt tựa đường

Năm năm cay đắng

Chuốc lấy tai ương

Quan thái thú họ Vạn đến chưa được bao lâu, đem cứu xét hai năm rồi mười câu chuyện tệ nạn này, bụng nghĩ: Tiến dưa ngon, vốn chỉ là con số có giới hạn, làm tốt thì dân có lợi, đằng này lũ quan lại phá lẽ luật rồi, mình thanh trừng, đổi lại, ắt là bị chúng câu kết chống lại. Nghĩ thế, liền tìm cách làm dần dà, được dân chúng ủng hộ, dẫu một bọn quan lại bên dưới, có ngăn trở, Vạn thái thú liền vẫn thi hành. Bọn hào phú, quan tham bị thít đến quyền lợi, tiền bạc, nên giận căm đến tận xương tủy. Trong số họ, lại có người thân thích, làm quan trong triều, có chút ít thể là liền báo cho người nhà chúng, đem một số tội trong cách trị dân của thái thú họ Vạn kê ra, thôi không cho trị nhậm ở Thanh Châu nữa. Vạn thái thú không biết làm thế nào, chỉ đành treo mũ từ quan mà đi. Khi rời Thanh Châu, thái thú họ Vạn chỉ có một vai hành lý, vài hòm sách. Dân chúng nhờ đến sự thanh liêm của ông, đưa già, dắt trẻ, đưa nhau đi tiễn. Bốn câu thơ lưu lại ở trên chính là do Vạn Thái

Thú, lúc chia tay với dân chúng, cảm xúc mà ngâm.

Khỏi nói đến lũ tham quan, hào phú ác kia làm gì, lại nói đến thái thú họ Vạn sau khi rời Thanh Châu, lên kinh thành, dương danh lợi nổi chìm, bỗng chốc mười năm đã trôi qua. Vì tuổi đã cao, lòng buồn, chí nản liền cáo quan lui về. Ngày được vua ra ơn cho được như ý, liền cáo biệt người thân ở kinh thành, lên đường về quê. Dầu mang tiếng là quan ở kinh thành, mà bên mình không đem theo nỗi gia quyến, khi về chỉ một thầy, một tớ mà thôi. Trên đường ngắm sông, ngắm núi, lòng rất chăm chú. Thật là:

Một lần, tri phủ Thanh Châu,

Tiền nghìn, bạc vạn để đâu đã mang

Đề huê lưng túi, gió trăng

Người xưa ai dễ sánh bằng với ta?

Bữa ấy, hai thầy trò đến trước mặt phủ Hoài Khánh, dừng ngựa lại hỏi, chủ quán bên đường bảo họ: Phía trước không xa là ngọn núi Bạch Yến, gần đây tụ tập một bọn người cường tráng, đứng đầu là một vị đại hòa thượng đem theo một số đồ đệ, sư tăng, võ nghệ rất cao cường. Cái xứ lục lâm, hảo hán ấy, bọn lái buôn đi qua đều bị cướp bóc, nhất là bọn quan tham, lại những hào phú khét tiếng vợ vét của dân, bọn lái buôn quỉ quyết, không sao thoát nổi, nhẹ thì cũng mất sạch của cải, còn nặng thì chết dưới đao guom. Giờ đang quá trưa sang chiều, chi bằng trọ lại, sớm mai hãy đi thì chắc là an toàn hơn.

Nào biết Vạn đại nhân, lòng muốn sớm về nhà, lại cho là ngoài hành lý, chẳng có tiền bạc gì, liền an tâm không nghe lời chủ quán, tiếp tục lên đường.

Khi hai thầy trò đi qua núi Bạch Yến, mặt trời đã lặn về tây khuất sau đỉnh núi. Vừa mới lên đèo trời dần dần tối. Càng đi thì thấy lù lù đen thẫm một rừng thông rất gần, bỗng nghe tiếng phèn la. Rồi, từ trong rừng thông, xông ra những người như hổ như beo, chẳng buông tha hai thầy trò, bắt bỏ cương, xuống ngựa, bị trói nghiêng hai tay, lôi tuột vào trong rừng. Rừng tối om, chẳng nhìn cả thấy bóng người, Vạn đại nhân biết lành ít, dữ nhiều, hối lại thì không kịp, đành phó mặc mệnh trời.

Trong cảnh tối om như thế, chợt nghe tiếng người kêu to lên: "Thắp đèn" rồi thấy một luồng gió từ những ngọn đèn sừng dê phụt lên mà thành. Dưới ánh đèn, trước một khoảng đất lớn, trên có một phiến đá lớn, trước mặt là một vị hòa thượng to, đẹp ngồi uy nghi, hai bên có tới mười vị hảo hán, người là sư, người là dân, đủ các hạng... Vị hòa thượng cầm đầu, qua ánh đèn, xem qua hình dáng Vạn đại nhân, rồi "hầy", một tiếng, một người trạc tuổi trung niên lên tiếng hỏi:

- Có phải ông họ Vạn phải không?

Vạn đại nhân, trả lời ngay.

- Vâng ạ!

Lại hỏi:

- Năm ấy, tháng ấy... ông làm gì, ở đâu?

Trả lời :

- Năm ấy, tháng ấy. . . tôi từng nhậm Thanh Châu tri phủ.

Chỉ thấy vị hòa thượng thủ lĩnh gật đầu, sai tả hữu đem giấy, bút lại, dưới ánh đèn viết luôn vào giấy, gấp lại, thuận tay giao cho hai nhà sư, lại dặn dò mấy câu. Hai nhà sư liền tiến đến, không nói không rằng trước hết cúi trời cho hai thầy trò, bảo:

- Đại nhân đừng sợ. Chúng tôi vâng lệnh trên, suốt đêm nay đưa đại nhân vượt sông Hoàng hà, hành lý và ngựa vẫn cả đây, xin mời đi ngay.

Vạn đại nhân chưa hiểu mở tộp ra sao, đành cùng theo sau hai vị hòa thượng, cưỡi ngựa lên đường. Suốt đêm ngựa đi không nghỉ, được hai người hộ tống, dọc đường đều bình an vô sự. Qua Hoàng Hà, trời dần dần sáng rõ. Đến bên đường lớn, nhà sư liền cáo biệt hai thầy trò, lại lấy ra một phong thư trao lại, theo lời trại chủ dặn. Vạn đại nhân mở phong thư ra, nội dung không có gì chỉ thấy bốn câu thơ về việc đưa thომ mười năm trước đây rồi phủ Thanh Châu mình đã làm. Duy câu cuối cùng: *Thanh phong, minh nguyệt tống nhân quy* (Trăng sáng, gió mát tiễn người về), thay một chữ là Thanh phong, Minh nguyệt tống quán qui (Thanh Phong, Minh nguyệt tiễn Người về). ông Vạn liền hỏi:

- Chẳng hay hai vị tu hành tên là gì?

Hai người nói vốn dùng tên pháp danh của nhà chùa xưa, một là "Thanh Phong", một tên là "Minh Nguyệt".

Vạn đại nhân chợt hiểu ra, vị Sơn đại vương ở ngọn Bạch Yến, đổi một chữ trong 4 của bài thơ chính là: "Thanh Phong, Minh Nguyệt tiễn Người về" đó sao! Nghĩ đến đây, chỉ còn ngựa mặt lên trời mà cảm tạ. Thanh Phong, Minh Nguyệt hai vị sư, cáo biệt trở về bờ bắc.

Vạn đại nhân trở về quê, suốt đời không quên việc này cho rằng, nếu làm quan thanh liêm, thì nhất định thanh thản. ông đem việc đó nói lại cho đám học trò hậu sinh.

Câu chuyện này lưu truyền ở Thanh Châu rất rộng. Dân chúng đến giờ vẫn không quên ơn ông quan họ Vạn ấy, mà cái đám quan đến nhậm chức ở Thanh Châu, không thể không ghen tức.

Cho nên, Thanh Châu bao đời đâu có yên bình. Quan chức đến rồi đi bao lần chuyển đổi.

Đến năm Càn Long thứ 13, Thanh Châu xảy ra một vụ án lớn và Lưu Dung mới từ đó, từ đất Thanh Châu mà nổi danh:

Pháp luật vốn từ nhân tình,

O ép bức bối dân lành.

Hình án trước vì dân xét

Cong, ngay cho thật phân minh.

Năm Càn Long thứ 13, mở khoa thi lấy người tài, lấy được một người đỗ tiến sĩ là Cao Văn Tá. Ông này đỗ được ít lâu, vua sai về Thanh Châu làm Tri Phủ, thầy của ông, trước khi ông lên đường, trong tiệc rượu đưa tiễn, hỏi:

- Con lần này đi nhậm chức, chí lực ra sao?

Cao Văn Tá trả lời:

- Được thầy chỉ bảo, từ nay xử lý việc gì, con chỉ theo mười chữ sau này:

“trên không phụ ơn vua, dưới không phụ lòng dân”.

Ông thầy rất vui nói:

- Tốt! Tốt lắm! Nhưng khi gặp nạn thì con tính sao.

Cao Văn Tá nói:

- Con nghĩ kỹ rồi mới thi hành.

Ông thầy nói:

- Thế thì tốt, nhưng ta giới thiệu cho con một người, có việc gì nghi ngờ thì đến hỏi anh ta. Người đó là Lưu Dung, cũng là học trò của ta. Con nên nhớ kỹ tên người ấy!

Cao Văn Tá nói:

- Học trò nhớ rồi ạ!

Từ biệt thầy, Cao Văn Tá chọn ngày lên đường, đến Thanh Châu. Vừa xuống ngựa, Cao Văn Tá cũng chẳng được nghỉ ngơi, liền xem xét các hình án đọng lại. Xem xét đến hàng nửa tháng, phát hiện ra có đến vài vụ còn có nhiều uẩn khúc. Nghĩ bụng, những vụ án này giá như xét đúng thì thôi, nếu như đoán sai, thì do những người xét trước đã không giữ đúng pháp luật. Ta lại biết rất ít về dân tình ở đây, cách làm ăn sinh sống cũng chưa rõ lắm, giá như có sai sót gì, thì tự làm hủy hoại mình mất hay sao! Nếu như đã làm mà không xét được tội, thì còn mặt mũi nào! Các quan phủ nước đã đổi đi hết, đến một mình, nếu làm sai chỉ tội cho người chê cười. Làm thế nào cho tốt đây?

Thấy Cao tri phủ đang vấp khó khăn, người thuộc hạ biết được liền đến bên thưa:

- Đại nhân nghe nói có việc gì khó khăn, xin cho biết!

Tri phủ nói:

- Đất này có ai đỗ đạt không?

Người kia đáp:

- Người bản địa đỗ đạt ở đây có Lưu Dung!

Tri phủ tự nhiên nhớ ra, liền thốt ra:

- Thế thì hay rồi.

Đó là Cao Tri Phủ nghĩ đến lời thầy học dạy.

Ngày thứ hai Cao Tri Phủ thân đến nhà Lưu Dung mời Lưu Dung, để gỡ cái

khó đang gặp.

Lưu Dung nói:

- Tiểu nhân sợ không có đủ tài đức, đại nhân đã có ý như vậy, sợ tiểu nhân một mình không làm nổi.

Lưu Dung lại nói:

- Nhà tôi có hai người giúp việc, không việc gì không phải dựa vào để họ giúp một tay. Tôi sẽ lên công đường thẩm vấn, án do ngài xét, liệu có được không?

Cao Tri Phủ chấp nhận hết.

Ngày thứ ba, Lưu Dung đem Văn Thừa, Tưởng Kỳ đến Châu phủ, mở công đường xét án. Vụ án thứ nhất là Trương Tiểu Thúy mưu giết chồng. Phòng xử án đã mở, Lưu Dung truyền cho người truyền lệnh bảo:

- Truyền Trương Tiểu Thúy và nguyên cáo vào!

Người giúp việc hô to:

- Trương Tiểu Thúy!

Và sau đó nguyên cáo cũng được gọi vào.

Chỉ nghe tiếng xiềng khóa loảng xoảng, một người con gái bị lôi ra trước công đường, bên cạnh là một lão già quỳ bên. Cô gái trẻ dáng vẻ xem ra tử tế. Còn lão già mặt đen như dầu, mồm dẩu, rõ ra một kẻ chín phần mười là chẳng ra gì, mắt thì luôn luôn dòm sang cô gái. Lưu Dung nghĩ. Thằng già này không hiểu sao làng lại gọi là Nữu Bá Vương. Chỉ cái việc lão già đen lại chiếm lấy cô gái trẻ, cũng đáng chết rồi, trong lòng cơn tức nổi lên, vội kèm chế ngay lại.

Ông đưa mắt nhìn cô gái rồi bảo:

- Cô kia tên là gì?

Cô gái ngẩng đầu nhìn Lưu Dung rồi cúi đầu đáp:

- Trương Tiểu Thúy.

- Bao nhiêu tuổi.

Tiểu Thúy trả lời:

- Dạ, mười chín.

Trên công đường lại hỏi:

- Người làm sao lại mưu hại chồng mình?

Trương Tiểu Thúy nói:

- Lão đâu phải là chồng tôi. Lão là kẻ thù của nhà chúng tôi.

Nói xong khóc hu hu.

Lưu Dung nói:

- Không được khóc. Lão sao lại thành kẻ thù của nhà cô nói rõ đi, ta sẽ cứu xét.

Cô gái vẫn không nín nổi, ầm ức mãi rồi nói:

- Nhà chúng con có bốn miệng ăn, ngoài bố mẹ ra, còn có một anh trai, nhận

làm của Nữ Bá Vương hai mẫu ba ruộng, hằng năm nộp tô xong, lương thực không nuôi nhau nổi 3 tháng. Do đó, không giao hết số thóc tô, mỗi năm nợ lại một ít, năm này sang năm khác, nợ đến hàng trăm gánh. Cách đây vài tháng, lão già cho người đến thúc tô, chẳng thêm hỏi han, cứ dán mắt nhìn vào con. Chúng con chỉ ở trong một gian phòng nhỏ, chẳng có nơi nào cất giấu lương thực. Sau đó, lão già nói: "Không có thóc thì cho hoãn nhưng đừng có quên đấy nhé!". Rồi lão chỉ luôn vào con, bảo cha con: "Cô bé này lớn tướng rồi, đã gả cho ai chưa?". Cha con trả lời: "Cháu vẫn còn bé, làm gì có ai mai mối!". Lão chẳng nói gì, cười cười rồi đi! Qua được vài hôm, một bà mới đến nhà chúng con, đặt hai chục lạng bạc lên bàn, bảo là Nữ Bá Vương đặt lễ, bảo cha mẹ con hãy gấp lo liệu, vài hôm nữa cho xe đến đón dâu... Cha con nghe thế nổi giận, nói: "mã mẹ chúng bây, con gái nhà ta là người tử tế, sao lại làm vợ thằng già ấy!", liền lấy tay gạt số bạc trên bàn xuống, vung ra khắp đất, rồi nói thẳng vào mặt bà mới: Cút! Bà mới cong lưng nhặt hết số bạc, trừng mắt nhìn cha con rồi nói: "Này, Sau này đừng có mà hối hận đấy nhé!" nói đoạn liền tong tả về. Ba ngày sau, trời vừa sáng, chợt thấy bên ngoài có người gọi cửa, cha con ra mở, thấy toàn là sai nha trong huyện, hỏi cha con: "Mày là Trương Tràng Phú phải không. " Cha con nói "Phải". Bọn chúng chẳng nói chẳng rằng khóa tay cha con lại, dẫn đi. Mẹ con thấy thế, hô hoán kêu lên không được hành hạ người. Bọn sai nha thấy mẹ con lớn tiếng liền đánh bà ngã xuống đất, không dậy nổi. Con và anh con phải dìu bà vào nhà, thế là bà bị bệnh luôn. Ngày thứ hai, con mụ mới lại đến, tiến vào cửa nói: "Ta lại phải muối mặt đến bàn việc lo ngày tiến hành lễ cưới đây!". Anh con hỏi: "Bà nói thế là như thế nào?" Mụ mới nói: nhà ngươi đang vận áo xám, cha ngươi bị sai nha trên huyện lôi đi, người thiếu tô phải giam trong thủy lao, ông ấy già liệu có chịu được không? Chỉ dăm ba hôm là châu Diêm Vương thôi! Ta chỉ muốn hỏi cho rõ điều này: Bây giờ đại nhân ta cần gấp, hay là phận làm con các người cần gấp? Nếu cô mà chịu, lại để cho Nữ Bá Vương một thằng con trai, rồi lại thêm con gái, thì muốn gì chẳng được. Lão già đã nói rồi, chỉ cần anh em nhà cô nhận lời của ông ấy, thóc tô thiếu không đòi nữa. Hai mẫu ba ruộng thuộc về nhà các người, lại được là người thân thích..." Anh trai con nghe không chịu nổi, nổi nóng định ra tay, con vội vàng ngăn lại, bảo bà mới rằng: "nói không thì lấy đâu bằng chứng, nếu như lão già muốn thế, thì hãy viết ra giấy, thả cha tôi về nhà, tôi sẽ ưng thuận". Bà mới cười bảo: "Thế là cô đã nói rõ ràng rồi nhé!". Bà ta liền đi về. Bà ta bảo khoảng xế chiều, mặt trời lặn thì cha con sẽ được về. Khi cha con về, chân nhợt ra vì ngâm trong nước. Việc nhà, ông hoàn toàn không biết gì. Con nói với ông, ông dậm chân nói rằng: "Làm thế sao được, sao con gái hờ hớ nhà mình lại phải lấy lẽ thứ tư". Con nói: "Cha, việc đã rồi, đợi cho lão dê già mang giấy tờ đến đây, con sẽ đi, sẽ

có cách đối phó với hắn, quyết làm cho nhà hắn bẽ mặt". Ngày hôm sau lúc lên đèn, lão cho xe đến đón con. Bà mới theo xe đến, cầm giấy tờ làm bằng. Lão ấy đến gần, con sẽ rút dao ra, đâm cho lão một nhát vào tim, rồi con sẽ tự đâm, sau lúc lão chết. Nào ngờ lão nhanh tay nhanh mắt, gạt được dao, chỉ đứt một miếng ở ngón tay. Lão chạy ra khỏi phòng, bắt con trối lại, giải lên huyện, tố cáo con mưu hại chồng, rồi giải lên phủ. Con chết cũng không sao, chỉ mong quan lớn giúp đỡ cho gia đình con được yên ổn.

Nói đoạn cô gái lại khóc.

Lưu Dung nghe hết, dấn đám nha lại ở công đường, cởi khóa cho nữ phạm nhân, và truyền cho gọi cha cô lại hỏi. Nghe xong, nhìn Nữ Bá Vương một lượt, hỏi:

- Nhà ngươi tên là gì, bao nhiêu tuổi?

Nữ Bá Vương nói:

- Tiểu nhân là Chu Văn Bản, hiện 62 tuổi.

Lại hỏi:

- Trong nhà có những ai?

Nữ Bá Vương nói:

- Ba vợ nhưng chưa ai có con cả.

Lưu Dung cười nhạt bảo: Nếu nhà ngươi có con, thì ta e lại hơn cả tuổi Trương Tiểu Thúy đấy. Sao lão không biết xấu hổ, lại còn kiện cáo hả?

Lão già kia cãi lại rằng:

- Sao lại không tố cáo? Cô ta không mưu hại chồng ư?

Lưu Dung cả giận bảo:

- Nói láo, đó là người ép buộc, sao gọi là chồng được.

Nữ Bá Vương nói:

- Cô ta bằng lòng đổi lấy tiền của tôi sao gọi là ép buộc?

Lưu Dung cười bảo:

- Ta hỏi ngươi, ngươi mở miệng ra nói là chồng, khép miệng lại vẫn nhận là chồng, thế giấy tờ hợp pháp đâu?

- Không có.

- Thế đã có chuyện hai bên thỏa thuận chưa?

- Chưa!

- Thế đã có văn tự bán mình chưa?

- Chưa.

Lưu Dung nói:

- Cái gì cũng chưa, thế mà xoen xoét nói là chồng người ta, rõ ràng là quân cậy của cậy thế, hãm hại người lương thiện, ngay đứng trước công đường của ta cũng coi thường pháp luật, không cho người biết lợi hại, người còn chưa chịu, được, phạt năm mươi trượng.

Nghe truyền, sai nhân xúm đến vút luôn: Đóp, dóp, dóp, năm mươi gậy

đánh cho nát thịt, máu chảy đầm đìa.

Nữ Bá Vương đau thấy ông bà ông vải, kêu lớn:

- Lão gia tha cho!

Đánh gậy xong, lão nằm bò dưới đất, Lưu Dung nói:

- Chu Văn Bân, người còn tố cáo nữa hay thôi?

- Thôi ạ, thôi ạ!

Lưu Dung bảo:

- Tố cáo không nên thân. Nhà Trương Tràng Phú chịu nhiều tổn thất người phải bồi thường!

Nữ Bá Vương nói:

- Con đã viết giấy, thiếu tô và đất không đòi nữa. Cô Và Cha cô ấy đã cầm.

Sáng nay con lại cho người đưa đến một trăm lạng bạc, đưa cho họ rồi ạ!

Lưu Dung sai thư lại chép kỹ khẩu cung của hắn, bắt Nữ Bá Vương ký nhận rồi báo cho gia nhân nhà họ Chu chờ ở ngoài, mang hắn về luôn.

Lưu Dung lại hỏi:

- Trương Tràng Phú đã đến chưa?

Lúc đó, thấy dưới thềm có một người quỳ thưa:

- Dạ, tiểu nhân đây ạ!

Lưu Dung nói:

- Đem con gái ông về, giờ có định gả cho ai, phải bàn với cô ấy, không được tự ý hiểu không.

Lão Trương đáp: Không dám thế nữa ạ? Không dám thế nữa ạ!

Lưu Dung bảo:

- Thôi đi!

Hai cha con vâng lệnh, theo nha môn lui ra.

Lưu Dung thấy mọi người đã đi hết, liền quay sang Cao Tri Phủ nói:

- Vụ án này đã rõ ràng, khỏi phiên ngài nhọc sức, tôi đã thay ngài xét xong rồi.

Nói xong cả hai đều cười vang.

Lưu Dung xét xong vụ Nữ Bá Vương, liền cầm đến một tập án khác, trên bìa chỉ thấy mấy chữ: "Đánh nhau chết người".

Lưu Dung xin Cao Tri Phủ truyền lệnh:

- Đem Mã Như Long lên công đường.

Dưới thềm vang lên một tiếng:

- Đem Mã Như Long vào!

Chỉ nghe thấy tiếng khóa xích loảng xoảng, một gã cao lớn tiến ra, mình cao hơn bảy thước, hai hàng lông mày rậm, mắt beo, mũi thẳng, miệng vuông, có dáng anh hùng khí khái, đến trước công đường quỳ xuống.

Lưu Dung hỏi:

- Anh kia tên là gì? Bao nhiêu tuổi?

Mã Như Long khai rõ tên họ, khai rằng hai mươi lăm tuổi.

Lưu Dung nói:

- Anh là người đã thi đỗ ngành võ phải không? Sao không biết luyện mình, nghĩ chuyện báo đền ơn nước, lại đi đánh nhau, há chẳng làm xấu mặt tổ tiên ư?

Mã Như Long bậm răng:

- Tiểu nhân tuy có chút võ nghệ, không hề dám nghĩ đến chuyện đánh nhau với ai.

Lưu Dung khề gật đầu bảo:

Nhà người nói nghe cũng được, nhưng tại sao Vương Tiểu Lục lại được xác thực là người đánh chết?

Mã Như Long vội bậm:

- Thừa đại nhân, tôi thật oan, Vương Tiểu Lục không phải do tôi chém chết!

Lưu Dung nói:

- Đầu đuôi câu chuyện ra sao? Cứ thực khai ra!

Nguyên do Mã Như Long dẫu đỗ võ cử nhân, nhưng không có tiền chạy chọt, do đó không được bổ dụng. Không có nghề gì nuôi thân, Mã thường qua lại nơi chơi gà cược bạc, thấy những con gà chơi khi gặp địch thủ, chỉ tiến không chịu lùi, rất giống với tính khí của mình, liền cũng nuôi một con. Mã chỉ mong con gà của mình mỗi lần lâm trận đã đánh là thắng, không hề biết thua. Nguyên do đương thời, chơi gà chơi cũng là một thứ cờ bạc, hai bên có gà đưa đến chơi, bàn bạc cá cược tiền hoặc một thứ vật gì thật đáng giá, có người thua đến khuynh gia bại sản. Mã Như Long tất nhiên không tính chuyện cờ bạc mà nuôi gà chơi, chẳng qua chẳng kiếm sống nổi, thì thử bước vào nghề xem sao. Chẳng dè con gà của Mã trở thành "thắng không biết mệt", khiến giới chơi gà ai cũng mong có trong tay, trong đó có một gã mê cờ bạc chơi gà là Vương Tiểu Lục. Đã mấy lần gã nài nỉ Mã Như Long, xin mua được con gà chơi ấy, dù bao nhiêu bạc cũng ừ.

Mã Như Long quý con gà như châu ngọc, đâu chịu lấy tiền bạc của hắn.

Vương Tiểu Lục ngông cuồng, cố ý chiếm lấy con gà chơi của Mã Như Long bằng được. Mỗi ngày đến nhà Long một lần. Một hôm, Mã Như Long đi ra ngoài chơi, Vương Tiểu Lục đến, chỉ thấy vợ Mã Như Long ở nhà, Vương Tiểu Lục, nhân cơ hội hiếm có này bèn nói:

- Bà chị này, anh Mã đã thỏa thuận ở chợ, bán gà trọn, để tôi mang gà về nhà nhé!

Vợ Mã thấy Vương hàng ngày tới nhà, là bạn thân của chồng mình, liền chẳng ngờ vực gì, để gã đem con gà đi. Khi Mã Như Long về nhà, thấy gà chơi đâu mất, vội hỏi vợ. Vợ Mã nói:

- Thế anh chẳng cho Vương Tiểu Lục đến nhà bắt gà rồi ư?

Mã Như Long liền dậm chân kêu lên "Hồng rồi!" liền chạy vội đi.

Mã chạy thẳng đến nhà Vương Tiểu Lục, thấy hắn đang thái rau nấu cơm, hất đầu hỏi:

- Gà của tớ đâu?

Vương Tiểu Lục giở thói lưu manh nói:

- Gà của cậu ở nhà cậu ấy! Về nhà mà hỏi!

Mã Như Long cười bảo:

- Thôi đừng đùa nữa, đem giả tớ đây!

Vương Tiểu Lục trơ mắt nói:

- Tao nào có thấy gà qué gì!

Mã thấy hắn cứ ỳ ra, liền cáu, bảo:

- Mày muốn bắt hả? Để tao vào xem!

Vương Tiểu Lục giương mắt thách:

- Mày dám hả?

Mã Như Long thấy vẻ gian dối của Vương Tiểu Lục, nên bắt kẻ giời đất, liền xông thẳng vào nhà. Vương Tiểu Lục không nói không rằng thoi vào ngực Mã Như Long một đấm, Mã vốn có võ, đánh đâu dễ. Mã tránh ra, Vương Tiểu Lục đấm hụt, lao đầu về phía trước. Vương Tiểu Lục biết sức mình không địch nổi Mã, cầm luôn dao thái rau bỏ vào đầu Mã. Mã lấy tay gạt một bên, khiến gã dùng sức bị mất đà ngã, con dao trong tay Vương Tiểu Lục văng ra lại lao trúng vào huyệt thái dương của hắn, máu ở đầu phụt ra, quay mình chết luôn. Nhà Vương Tiểu Lục chẳng có ai mà tố cáo, Mã Như Long lên huyện đầu thú, quan huyện lấy chuyện “ấu đã sát thương” mà luận tội, chuyển lên phủ đem công văn tới bắt đi.

Lưu Dung nghe xong bãi xử án, ba ban làm việc đều lui. Lưu Dung về phòng riêng nghỉ ngơi, chẳng ngờ Cao Tri Phủ đã chờ sẵn ở đó, thấy Lưu Dung liền bảo:

- Chà chà, đại nhân của ta, sao ngài lại dám thả phạm nhân giết người nhỉ?

Lưu Dung không trả lời Cao, chỉ cười áo, uống trà, rồi từ từ trả lời:

- Đại nhân bảo người tù giết người là ai vậy?

Cao Tri Phủ nói:

- Là Mã Như Long chứ ai!

Lưu Dung nói:

Mã Như Long sao gọi là phạm nhân giết người được.

Cao Từ Phủ nói:

- Thế Vương Tiểu Lục chẳng bị anh ta giết hay sao.

Lưu Dung nói:

- Hạ quan theo việc này chưa được bao lâu, có điều gì mong huynh chỉ giáo. Lấy việc hôm nay mà nói luật đã qui định rõ ràng, mưu mô ép người lấy tài vật của người khác sao lại không gọi là cường đạo được!

Cao Tri Phủ nói.

- Tài vật chỉ là một con gà. Một con gà chọi, nó đáng gì mà bàn.

Lưu Dung nói:

- Luật không hề qui định cụ thể tài vật là gì! Gọi là một thứ đồ chơi ư, thế đỉnh vạc của miếu đình nhà Châu, nhà Thương cũng là đồ chơi đó thôi! Ai ai chẳng coi đó là của báu của quốc gia, giá trị ấy tiền không đổi được, cũng gọi là của cải cả. Gà chọi tuy là gà, cũng không phải bỏ tiền ra là mua được cũng được quy là tài vật. Mưu đoạt tài vật, thậm chí cướp đi giữa ban ngày, kẻ ấy chính là cường đạo, người ta đến đòi lại còn quanh co, lại còn làm tới, vung tay đánh người thế là hành hung.

Cao Tri Phủ nói:

- Như lão huynh viện lý lẽ, thì dẫu là kẻ ăn trộm gà nhà người ta, liệu có đáng tội chết chưa? Mã Như Long giết hấn, há không phạm pháp?

Lưu Dung nói:

- Mã Như Long đâu có giết hấn ! Vương Tiểu Lục dùng dao giết Mã Như Long. Mã Như Long phải tự vệ lấy tay gạt ra, dao trong tay kẻ giết người văng ra, trúng vào thái dương giết hấn. Tôi lấy khẩu cung của Mã Như Long mà xét đoán, trước đã khám nghiệm tử thi, đã phê rõ dao văng ra trúng thái dương mà chết", do thế mà cho là Vương Tiểu Lục không phải do Mã Như Long giết. Huống hồ, Mã Như Long trần tay không, không đem theo vũ khí, làm sao mà bảo hấn giết người được!

Cao Tri Phủ nói:

- Vốn dĩ là thế, tôi xin chịu anh!

Sau vụ án ấy, hai người thành bạn thân, không có việc gì là không có nhau.

Chú thích

(1) Chữ Hán chỉ vừa có nghĩa là cái, vừa có nghĩa là đồng cân (một chỉ vàng). Ở đây Lưu Dung đã mượn đồng âm khác nghĩa để chơi chữ gã buôn muối (ND).

HẾT